

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức : **Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn**
2. Mã chứng khoán : **SRT**
3. Trụ sở chính : **Số 136 Hàm Nghi, Phường Bến Thành, Quận 1,  
Thành phố Hồ Chí Minh**
4. Điện thoại : **(028) 3829 0198** Fax: **(028) 3822 5722**
5. Người thực hiện công bố thông tin : **Nguyễn Đức Nhân**
6. Địa chỉ thường trú : **17T10, P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, Hà Nội**
7. Điện thoại : **0913 234 991**
8. Loại thông tin công bố:  
 24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ
9. Nội dung thông tin công bố: **Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.**
10. Địa chỉ Website đăng tải thông tin: **www.saigonrailway.com.vn.**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố./.

**Tài liệu đính kèm:**

- Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ  
thường niên năm 2020;

**CHỦ TỊCH  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Nguyễn Đức Nhân**

Số: **01-20/NQ-ĐHĐCĐ** Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**  
**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn (sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/4/2017;

Căn cứ Quy chế làm việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 15/5/2020;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 15/5/2020,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua các nội dung sau đây:

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị. *(Báo cáo kèm theo)*
2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát. *(Báo cáo kèm theo)*
3. Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO *(Báo cáo tài chính kèm theo)*.
4. Kế hoạch kinh doanh năm 2020, với các chỉ tiêu chủ yếu sau đây:
  - Sản lượng: Tấn.km tính đổi bằng 70,3% so với năm 2019.
  - Tổng doanh thu: **1.276,220** tỷ đồng (bằng 62,1% so với năm 2019), trong đó:
    - + Doanh thu vận tải: 1.116,5 tỷ đồng (bằng 62,1% so với năm 2019);
    - + Doanh thu từ các dịch vụ khác: 159,720 tỷ đồng.
  - Lợi nhuận sau thuế: (- 282,5 tỷ đồng).
5. Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020:

Nguồn vốn khấu hao TSCĐ năm 2020 chủ yếu bổ sung vốn cho các dự án hoàn thành thiếu vốn vay, dự án đầu tư phát triển năm 2019 thiếu vốn đối ứng, trả nợ gốc vay các dự án. Do vậy, không còn nhiều nguồn kinh phí đầu tư mới cho





năm 2020, chỉ còn lại khoảng 12,5 tỷ dùng để bố trí 50% vốn cho dự án “đầu tư mới 08 toa xe HL năm 2020” với tổng mức đầu tư dự kiến 24 tỷ đồng.

- Tạm dừng triển khai dự án đầu tư xe ô tô 7 chỗ năm 2019 chuyển sang; tiếp tục thực hiện các thủ tục tiếp theo cho các dự án có sử dụng đất.

6. Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020:

Căn cứ theo Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, lợi nhuận sản xuất kinh doanh lỗ 282.500.000.000 đồng. Và số lỗ năm 2018 còn lại chuyển qua là 36.531.812.476 đồng. Do đó Công ty không có kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020.

7. Thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Kế hoạch năm 2020:

a) Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019:

TT	Chức danh	Số người	Số tháng	Mức lương, thù lao thực hiện năm 2019	Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>				<b>1.183.992.000</b>
	Thành viên (Đại diện phần vốn)	2	12	26.500.000	636.000.000
	Thành viên (không đại diện phần vốn)	2	12	22.833.000	547.992.000
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>				<b>331.596.000</b>
	Trưởng ban kiểm soát	1	12	22.833.000	273.996.000
	Kiểm soát viên (*)	2	12	2.400.000	57.600.000
	<b>Tổng cộng (I+II)</b>				<b>1.515.588.000</b>

b) Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2020:

TT	Chức danh	Số người	Số tháng	Mức lương, thù lao KH 2020	Quỹ tiền lương, thù lao KH 2020
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>				<b>960.000.000</b>
	Thành viên (Đại diện phần vốn)	2	12	21.500.000	516.000.000
	Thành viên (không đại diện phần vốn)	2	12	18.500.000	444.000.000
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>				<b>270.000.000</b>
	Trưởng ban kiểm soát	1	12	18.500.000	222.000.000
	Kiểm soát viên (*)	2	12	2.000.000	48.000.000
	<b>Tổng cộng (I+II)</b>				<b>1.230.000.000</b>

(\*): Kiểm soát viên không chuyên trách

8. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán trong danh sách sau đây để kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính năm 2020 theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật hiện hành:

- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES), địa chỉ: 33 Phan Văn Khoẻ, phường 13, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam, địa chỉ: Tầng 2, Indochina Park Tower, số 4 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại TP HCM, địa chỉ: 104-106 Trần Lưu, phường An Phú, quận 2, TP Hồ Chí Minh.

9. Thông qua chủ trương tái cơ cấu khối vận tải theo hướng sáp nhập, chia tách 02 Công ty cổ phần Vận tải đường sắt: Hà Nội, Sài Gòn và thực hiện chuyên môn hóa theo hướng 01 Công ty thực hiện kinh doanh vận tải hàng hóa và 01 Công ty thực hiện kinh doanh vận tải hành khách. Giao cho HĐQT Công ty xem xét, đóng góp vào các phương án của Đề án tái cơ cấu và triển khai thực hiện sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 2.** Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn thông qua toàn văn tại cuộc họp thường niên ngày 15/5/2020.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn có trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung và giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo thẩm quyền và chức năng, nhiệm vụ của mình; báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp kế tiếp./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Các cổ đông;
- Các phòng Công ty;
- Các chi nhánh trực thuộc;
- Công bố thông tin;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**Nguyễn Đức Nhân**



Số: **01** /BB-ĐHĐCĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2020

## **BIÊN BẢN**

### **Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn**

Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301120371 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22/07/2002, thay đổi lần thứ 07 ngày 10/8/2017

Trụ sở Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn (sau đây viết tắt là Công ty): số 136 Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 15/5/2020 tại Trụ sở Công ty với các nội dung sau:

#### **I. THÀNH PHẦN THAM DỰ**

- Các thành viên Hội đồng quản trị;
- Các thành viên Ban Kiểm soát Công ty;
- Ban Tổng giám đốc Công ty, Kế toán trưởng Công ty;
- Cổ đông của Công ty;
- Khách mời:
- Ông Vũ Anh Minh, Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty ĐSVN và đại diện các Ban nghiệp vụ của Tổng công ty ĐSVN.
- Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ Công ty,
- Giám đốc các chi nhánh trực thuộc Công ty.

#### **II. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN**

##### **1. Phần khai mạc kỳ họp:**

Đại Hội cổ đông đã nghe Ông Trương Khánh Hưng – Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:

- Công ty không có cổ đông sáng lập do chuyển đổi theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ.

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: **50.310.000** cổ phần

- Tổng số Cổ đông và đại diện Cổ đông được mời tham dự họp Đại hội cổ đông: **1.731** cổ đông theo Danh sách người sở hữu chứng khoán (*danh sách phân bổ quyền thực hiện bỏ phiếu*) số 471/2020-SRT/VSD-ĐK do Trung tâm Lưu ký Chứng

011  
CỔ  
TÀI  
ÀI  
-T.

khoán Việt Nam lập ngày 03/4/2020, đại diện 100% vốn cổ phần của Công ty.

- Tổng số cổ đông (và đại diện) tham dự kỳ họp tính đến 08 giờ 05 phút ngày 15/5/2020 là: **29 người**, sở hữu và đại diện cho tổng số **41.360.916** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **82,2 %** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Tất cả cổ đông và đại diện cổ đông đều đủ điều kiện tham dự họp.

Căn cứ qui định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn là hợp pháp và hợp lệ.

Ban tổ chức đã phổ biến về Quy chế làm việc và thể lệ biểu quyết, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và được toàn thể Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua 100% bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

Tiếp theo, Ban Tổ chức đã công bố Đoàn Chủ tọa, gồm có:

- Ông Nguyễn Đức Nhân, Chủ tịch HĐQT Công ty là chủ tọa.
- Ông Đào Anh Tuấn, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty là thành viên.

Chủ tọa đã đề cử Ban Thư ký, gồm có:

- |                       |            |
|-----------------------|------------|
| - Bà Nguyễn Thị Hoa   | Trưởng ban |
| - Ông Huỳnh Vũ Hiệp   | Ủy viên    |
| - Ông Nguyễn Công Lập | Ủy viên    |

Chủ tọa đã giới thiệu nhân sự Ban Kiểm phiếu, gồm có:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| - Ông Đoàn Văn Lập Dân   | Trưởng ban |
| - Ông Nguyễn Anh Tuấn    | Ủy viên    |
| - Ông Đặng Thông Thái    | Ủy viên    |
| - Ông Nguyễn Linh Phương | Ủy viên    |
| - Ông Nguyễn Anh Tú      | Ủy viên    |

Giám sát Ban kiểm phiếu:

- Bà Vũ Thị Hồng Châu – Đại diện TCT ĐSVN
- Ông Vũ Đình Điệp – Trưởng ban Kiểm soát Công ty
- Bà Đỗ Thị Bích Thủy – Đại diện cổ đông ngoài

Nhân sự Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu đã được toàn thể Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua 100% bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

## **2. Phần nội dung chính của kỳ họp, tóm tắt các diễn biến như sau:**

Mở đầu chương trình Đại hội, ông Đào Anh Tuấn, Tổng Giám đốc, đại diện Ban Điều hành Công ty trình bày Báo cáo của Ban Điều hành về hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2019; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

*(Báo cáo kèm theo)*



Tiếp theo, ông Nguyễn Đức Nhân, đại diện Hội đồng quản trị Công ty trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019; Phương hướng hoạt động năm 2020.

*(Báo cáo kèm theo)*

Ông Vũ Đình Điệp, đại diện Ban Kiểm soát Công ty trình bày Báo cáo của Ban Kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty và Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Công ty trong năm tài chính 2020.

*(Báo cáo kèm theo)*

Tiếp đến, ông Nguyễn Đức Nhân đọc Tờ trình các nội dung cần thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, cụ thể như sau:

- a) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát;
- c) Báo cáo tài chính năm 2019 kiểm toán;
- d) Kế hoạch kinh doanh năm 2020;
- e) Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020;
- f) Kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích các quỹ và chi trả cổ tức năm 2020;
- g) Tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2019 và Kế hoạch năm 2020;
- h) Lựa chọn đơn vị kiểm toán để soát xét, kiểm toán các BCTC năm 2020.
- i) Chủ trương hợp nhất 02 Công ty cổ phần Vận tải đường sắt: Hà Nội và Sài Gòn xây dựng Phương án hợp nhất 02 Công ty khi Đề án Cơ cấu lại Tổng công ty ĐSVN được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

*(Tờ trình kèm theo)*

Sau khi trình bày xong các nội dung cần thông qua tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Đại hội đã tiến hành thảo luận các nội dung liên quan đến định hướng phát triển Công ty trong thời gian tới, việc chia cổ tức năm 2019... Đoàn Chủ tịch đã tiếp thu ý kiến và giải đáp các thắc mắc của cổ đông có mặt tại Đại hội.

Trước khi tiến hành biểu quyết các nội dung, Ban Tổ chức đã cập nhật lại tổng số cổ đông và đại diện cổ đông đến thời điểm hiện tại là: **36 người**, sở hữu và đại diện cho tổng số **48.101.821** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **95,61 %** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

*(Danh sách cổ đông, đại diện cổ đông dự họp kèm theo)*

Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành biểu quyết các nội dung với kết quả như sau:

*(Biên bản kiểm phiếu kèm theo)*

Với kết quả kiểm phiếu như trên, theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, tất cả các nội dung xin ý kiến biểu quyết của cổ đông đều đủ điều kiện

thông qua.

Chủ tọa đã đọc dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 và nội dung Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn nhất trí thông qua 100% bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

### 3. Kết thúc kỳ họp:

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn đã kết thúc vào lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày. Biên bản họp được đọc công khai trước toàn thể cổ đông tham dự.

Sau khi chỉnh lý, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được gửi đến các cổ đông bằng phương thức công bố như sau:

- Website của Công ty tại địa chỉ: <http://saigonrailway.com.vn>
- Hệ thống công bố thông tin IDS của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tại địa chỉ: [www.ssc.gov.vn](http://www.ssc.gov.vn)
- Hệ thống công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại địa chỉ: <https://www.hnx.vn/>

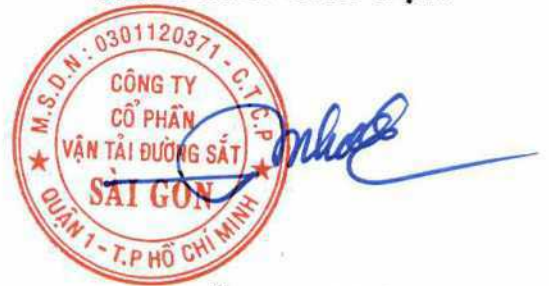
Chủ tọa và Thư ký cùng ký tên vào Biên bản họp.

**TM. BAN THƯ KÝ**



**Nguyễn Thị Hoa**

**TM. ĐOÀN CHỦ TỌA**



**Nguyễn Đức Nhân**



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
**PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ IV**  
**Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15/5/2020**

---

**BIÊN BẢN**  
**THẨM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG**

Hôm nay, ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn (sau đây viết tắt là Công ty), số 136 Hàm Nghi, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ IV năm 2020. Ban Thẩm tra tư cách cổ đông gồm:

1. Ông Trương Khánh Hưng - Trưởng ban
2. Ông Nguyễn Đạo Long - Thành viên
3. Ông Nguyễn Linh Phương - Thành viên
4. Ông Lê Danh Đạt - Thành viên

Đã tiến hành thẩm tra tư cách cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ IV năm 2020, kết quả như sau:

1. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: **50.310.000** cổ phần.
2. Tổng số cổ đông được mời dự họp (bao gồm toàn bộ cổ đông phổ thông của Công ty): **1.731** cổ đông, sở hữu **50.310.000** cổ phần có quyền biểu quyết (theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 471/2020-SRT/VSD-ĐK của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập ngày 07/4/2020).
3. Tổng số cổ đông và đại diện uỷ quyền tham dự họp tính đến 9h30 ngày 15 tháng 5 năm 2020 là 36 người, đại diện cho 48.101.821 cổ phần được quyền biểu quyết, chiếm tỉ lệ 95,61 % trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Điều lệ Công ty, phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty là hợp lệ.

*Ban Kiểm tra tư cách cổ đông trân trọng báo cáo./.*

**TM. Ban Thẩm tra tư cách cổ đông**  
**Trưởng Ban**



**Trương Khánh Hưng**

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**

<b>STT</b>	<b>MaCD</b>	<b>HoTen</b>	<b>TongCPBQ</b>
1	SRT-0001	Nguyễn Đức Nhân	25.664.260
2	SRT-0002	Đào Anh Tuấn	13.819.748
3	SRT-0003	Đỗ Đình Dược	170.100
4	SRT-0005	Lê Quốc Trung	3.500
5	SRT-0006	Mai Thế Mạnh	3.400
6	SRT-0007	Kiều Văn Chung	3.500
7	SRT-0008	Nguyễn Thị Nhung	5.900
8	SRT-0009	Nguyễn Thị Hồng Mai	4.800
9	SRT-0010	Đào Lượng	10.400
10	SRT-0011	Nguyễn Đạo Long	17.800
11	SRT-0012	Nguyễn Nghiệp	5.400
12	SRT-0013	Đào Văn Sơn	162.850
13	SRT-0014	Nguyễn Phi Hùng	160.990
14	SRT-0015	Nguyễn Đồng Hoàng	109.600
15	SRT-0016	Trương Khánh Hưng	29.500
16	SRT-0017	Thái Văn Truyền	221.038
17	SRT-0018	Nguyễn Minh Sơn	9.700
18	SRT-0020	Hoàng Kim Sinh	4.200
19	SRT-0021	Đỗ Quang Văn	97.180
20	SRT-0022	Đoàn Văn Lập Dân	41.100
21	SRT-0023	Trần Văn Dũng	127.160
22	SRT-0024	Trần Việt Tùng	320.940
23	SRT-0025	Lê Quang Chính	10.700
24	SRT-0030	Trần Đăng Tam	84.240
25	SRT-0031	Phan Thành Liên	241.710
26	SRT-0032	Phan Thọ	4.000
27	SRT-0033	Lâm Thắng	3.000
28	SRT-0034	Phạm Văn Tuấn	4.300
29	SRT-0035	Vũ Đình Diệp	2.000
30	SRT-0036	Hoàng Phạm Mạnh Tùng	10
31	SRT-0145	Lê Thị Nhi	100
32	SRT-0567	Vũ Đức Tâm	6.587.393
33	SRT-0614	ĐỖ THỊ BÍCH THỦY	7.100
34	SRT-0632	NGUYỄN ANH TUẤN	21.900
35	SRT-0633	Lê Văn Chiến	142.300
36	SRT-0634	Trần Thị Hay	2



**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT  
TẠI KỶ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

**Tên doanh nghiệp:** CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN  
**Trụ sở:** 136 Hàm Nghi Hàm Nghi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**Website:** [www.saigonrailway.com.vn](http://www.saigonrailway.com.vn)  
**Điện thoại:** 028.38290198 – **Fax:** 028.38225722  
**Thời gian tổ chức:** Từ 8h30 ngày 15 tháng 5 năm 2020  
**Địa điểm tổ chức:** Trụ sở Công ty.

Hôm nay, vào lúc 9 giờ 50, ngày 15 tháng 5 năm 2020, Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu và đã được ĐHĐCĐ thông qua gồm có các ông có tên sau:

1. Ông Đoàn Văn Lập Dân, Trưởng ban
2. Ông Đặng Thông Thái, Thành viên
3. Ông Nguyễn Anh Tuấn, Thành viên
4. Ông Nguyễn Linh Phương, Thành viên
5. Ông Nguyễn Anh Tú, Thành viên

Đã tiến hành kiểm phiếu biểu quyết các nội dung của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, kết quả như sau:

**I. THÀNH PHẦN THAM GIA BIỂU QUYẾT**

- 1.1 Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: **50.310.000** (năm mươi triệu, ba trăm mười ngàn) cổ phần phổ thông, tương đương **1731** (một ngàn bảy trăm ba mươi một) phiếu biểu quyết.
- 1.2 Tổng số cổ đông tham dự họp (trực tiếp, thông qua ủy quyền và gửi phiếu biểu quyết về Công ty) theo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông cập nhật đến 9h45 cùng ngày là 36 cổ đông, đại diện cho 48.101.821 (Bốn mươi tám triệu, một trăm lẻ một ngàn, tám trăm hai mươi một) cổ phần được quyền biểu quyết, tương đương với 95,61 % trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- 1.3 Tổng số phiếu phát ra lấy ý kiến là: 36 phiếu, đại diện cho 48.101.821 cổ phần, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự của Công ty.
- 1.4 Tổng số phiếu lấy ý kiến thu về: 36 phiếu, đại diện cho 48.101.821 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết phát ra của Công ty.

**II. CÁC NỘI DUNG XIN BIỂU QUYẾT VÀ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT**

TT	NỘI DUNG	TÁN THÀNH		KHÔNG TÁN THÀNH		KHÔNG CÓ Ý KIẾN	
		Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị	48.101.821	100%				
2	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát	48.091.421	99,98%			110.400	0,02%
3	Báo cáo tài chính năm 2019 (kiểm toán)	48.101.821	100%				
4	Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2019; Kế hoạch kinh doanh năm 2020	48.101.821	100%				
5	Báo cáo kết quả đầu tư phát triển năm 2019; Kế hoạch năm 2020	48.101.821	100%				
6	Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020	48.017.581	99,82%			18.420	0,18%
7	Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019 của HĐQT, BKS và Kế hoạch năm 2020	48.101.821	100%				
8	Ủy quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán để soát xét, kiểm toán các BCTC 2020	48.101.821	100%				
9	Chủ trương hợp nhất 02 Công ty cổ phần Vận tải đường sắt: Hà Nội và Sài Gòn xây dựng phương án hợp nhất 02 Công ty khi đề án cơ cấu lại TCT ĐSVN được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	47.254.671	99,23%	448.100	0,93%	399.050	0,83%



**Ghi chú:** Tỷ lệ được tính trên Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2020.

Việc kiểm phiếu được kết thúc vào hồi 10h20 ngày 15 tháng 5 năm 2020.

Chúng tôi cam kết về tính chính xác của việc kiểm phiếu trên.

Biên bản kiểm phiếu này được lập thành ba (03) bản chính, được các thành viên thống nhất ký tên và được công bố tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020, lưu tại trụ sở Công ty.

### TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU



**Ông Đoàn Văn Lập Dân**

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU



**Ông Đặng Thông Thái**



**Ông Nguyễn Linh Phương**

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU



**Ông Nguyễn Anh Tuấn**



**Ông Nguyễn Anh Tú**

### BAN GIÁM SÁT KIỂM PHIẾU

THÀNH VIÊN

THÀNH VIÊN

THÀNH VIÊN



**Bà Đỗ Hồng Châu**



**Ông Vũ Đình Điệp**



**Bà Đỗ Thị Bích Thủy**

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020**

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn

Thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn, tôi xin báo cáo Quý cổ đông kết quả hoạt động của HĐQT năm 2019 và kế hoạch, định hướng hoạt động năm 2020 như sau:

**Phần thứ nhất  
Kết quả hoạt động và công tác quản trị năm 2019**

**I. Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019:**

**1. Về hoạt động kinh doanh**

Năm 2019, toàn ngành đường sắt tiếp tục phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt của các phương tiện vận tải khác như: hàng không, đường bộ và đường biển; thị phần vận tải đường sắt tiếp tục sụt giảm sâu và yếu thế hơn so với các phương thức vận tải khác; vận tải hàng hóa chưa tham gia sâu rộng vào dịch vụ Logistics, chi phí 2 đầu cao, thời gian chạy tàu dài, giá cước chưa thực sự linh hoạt theo biến động của thị trường, thiếu chủng loại toa xe Mc, chưa đáp ứng nhu cầu xếp hàng của khách hàng;... Trong khi đó, năng lực nội tại còn hạn chế, chưa được cải thiện nhiều: đầu máy, toa xe cũ kỹ lạc hậu; cơ sở hạ tầng yếu kém, hiện tượng đường xóc, lắc còn nhiều làm ảnh hưởng đến chất lượng phương tiện và chất lượng phục vụ; năng lực chạy tàu thấp, tỷ lệ tàu đi đến đúng giờ đạt thấp (đặc biệt là tàu hàng) thời gian đỗ động và quay vòng toa xe kéo dài làm ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ vận tải. Bên cạnh đó, các dự án đầu tư đóng mới phương tiện toa xe khách cũng tạo cho Công ty áp lực phải tăng trả khấu hao và lãi vay ngân hàng; giá cả nhiên liệu và các dịch vụ mua ngoài tăng gây khó khăn trong việc kiểm soát chi phí và ảnh hưởng không nhỏ đến việc xây dựng và thực hiện các chính sách giá cước.

Riêng Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn, trong năm 2019 đặc biệt còn có những khó khăn khác như: Nhiều chi phí phát sinh và một số chi phí tăng mạnh so với cùng kỳ cũng như so với kế hoạch đầu năm như: Khấu hao TSCĐ tăng do đưa vào sử dụng các toa xe đóng mới; Phí bảo hiểm toa xe đóng mới (theo yêu cầu của ngân hàng tài trợ vốn); Lãi do vay vốn đầu tư toa xe, vay vốn lưu động; Các loại bảo hiểm bắt buộc tăng do lương tối thiểu tăng; Các chi phí cho chính sách hỗ trợ hành khách, nâng cao chất lượng dịch vụ tăng; trợ cấp thôi việc; chậm tàu;...

Trước những khó khăn trên, Công ty đã tập trung thực hiện các giải pháp như: tiếp tục đầu tư đóng mới, nâng cấp cải tạo toa xe đã phần nào đáp ứng nhu cầu của khách hàng; xây dựng những chính sách khuyến mãi, giảm giá, kích cầu du lịch, phù



hợp từng thời điểm; thực hiện các giải pháp nhằm hạn chế sự sụt giảm về sản lượng, doanh thu vận tải.

Tổng doanh thu năm 2019 đạt 2.053.956 triệu đồng, bằng 92 % kế hoạch được thông qua và bằng 98% so với năm 2018. Năm 2019, Công ty đã triệt để tiết giảm và quản lý chặt chi phí, so với năm 2018, chi phí vận tải tại Công ty giảm 133,8 tỷ, lợi nhuận đạt 14.604 triệu đồng, bằng 146% kế hoạch được thông qua; Đóng góp vào ngân sách Nhà nước 8% phí sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt là 143,426 tỷ đồng.

## **2. Về đầu tư phát triển:**

### *a) Công tác kế hoạch:*

Triển khai kế hoạch SXKD, giao các đơn vị sau khi thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019 và HĐQT Công ty duyệt kế hoạch chi tiết; điều chỉnh kế hoạch SXKD; kiểm soát chi phí chặt chẽ, giao kế hoạch chi phí cho các đơn vị theo đơn giá sản phẩm và khoản mục chi; hàng quý tổng hợp xác nhận thanh toán SPTN của các đơn vị thực hiện và xác định quyền được chi làm cơ sở quyết toán và lập báo cáo tài chính; duyệt và giao kế hoạch SCL tài sản cố định 2019; duyệt kế hoạch đơn hàng vật tư phụ tùng, mua sắm giá chuyên LXXX, trục bánh toa xe cho 02 xí nghiệp TXSG và TXĐN trong năm 2019.

### *b) Công tác đầu tư:*

Cân đối nguồn vốn khấu hao TSCĐ; triển khai kế hoạch đầu tư phát triển sau khi được Đại hội đồng cổ đông năm 2019 thông qua; điều chỉnh kế hoạch đầu tư phát triển năm 2019; đầu tư mới xe ô tô 16 chỗ phục vụ kinh doanh cho Chi nhánh VTĐS Đà Nẵng. Hoàn thành 09 dự án đầu tư: máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, đầu tư mới và NCCT 03 toa xe khách sử dụng vật liệu mới; hoàn thành mua mới 15 toa xe khách đợt 2 của dự án đầu tư mới 30 toa xe khách giai đoạn 2018-2020; đầu tư mới 50 toa xe Mc năm 2018; hệ thống giặt ủi công nghiệp và Trạm biến áp 250 KVA (09 dự án trong năm 2019 dự kiến thực hiện quyết toán: 359.007,12 triệu đồng, giảm 30.039,38 triệu đồng so TMĐT được duyệt).

## **II. Hoạt động của HĐQT năm 2019**

Hội đồng quản trị hiện nay gồm 04 thành viên sau:

- Ông **Nguyễn Đức Nhân** - Chủ tịch HĐQT
- Ông **Đào Anh Tuấn** - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Ông **Đỗ Đình Dược**, Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
- Ông **Thái Văn Truyền**, được bầu bổ sung Thành viên HĐQT (từ 16/4/2019) thay ông Nguyễn Hồng Hải, miễn nhiệm Thành viên HĐQT từ ngày 16/4/2019.

### **1. Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn, trách nhiệm quy định tại Điều lệ Công ty. HĐQT luôn bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và tình hình thực tế để xác định hướng đi, đề ra những chủ trương thực hiện trong các tháng/quý của năm, tăng cường công tác



quản lý và giám sát hoạt động để thúc đẩy kinh doanh, sắp xếp bộ máy tổ chức và chăm lo đời sống người lao động.

Hội đồng quản trị đã chuẩn bị và triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2019 theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị đã tổ chức nhiều phiên họp nhằm chỉ đạo Ban điều hành có những điều chỉnh hợp lý kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với biến động của thị trường và giá cả vật tư, dịch vụ. Trong năm 2019, HĐQT tổ chức **08** buổi họp.

Ngoài các kỳ họp của HĐQT, để giải quyết các công việc cần có ý kiến của HĐQT liên quan đến hoạt động SXKD và quản lý, HĐQT đã tổ chức lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên bằng văn bản. Các hồ sơ lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Tổng số hồ sơ lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản trong năm 2019 là: 31 hồ sơ.

Việc công bố thông tin được Chủ tịch HĐQT đôn đốc, nhắc nhở thường xuyên, đảm bảo các thông tin được công bố đúng thời hạn, chính xác, đầy đủ.

Hội đồng quản trị tuân thủ và phối hợp tốt với Ban kiểm soát thực hiện quản lý Công ty đúng quyền hạn, nhiệm vụ, đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. HĐQT cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về quản lý, điều hành hoạt động của Công ty cho Ban kiểm soát; đồng thời, xem xét để giải quyết, xử lý kịp thời đối với các kiến nghị và đề xuất của Ban kiểm soát.

HĐQT thực hiện công tác nhân sự của Công ty và các chi nhánh theo phân cấp quản lý; chỉ đạo xây dựng, sửa đổi các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với hình thức công ty cổ phần và quy định của pháp luật; ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT dựa trên sự nhất trí, thống nhất và đồng lòng của các thành viên HĐQT, trên cơ sở lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

Hội đồng quản trị thực hiện phân công nhiệm vụ đối với các thành viên; các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và của HĐQT.

## **2. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT**

Đến thời điểm báo cáo, HĐQT không có các tiểu ban trực thuộc. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ của mình theo Quy định phân công nhiệm vụ ban hành kèm theo Quyết định số 339/QĐ-HĐQT ngày 01/6/2018 và Quyết định số 489/QĐ-HĐQT ngày 21/6/2019.

## **III. Các cuộc họp của HĐQT và các quyết định, nghị quyết của HĐQT**

Trong năm 2019, HĐQT đã ban hành 09 Nghị quyết và 23 Quyết định. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành tuân thủ theo thẩm quyền của HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Các Nghị quyết của HĐQT được đăng tải trên website của Công ty và trong các Báo cáo quản trị 6 tháng và cả năm 2019 mà Công ty đã công bố thông tin.

*(Bảng thống kê chi tiết kèm theo)*



#### **IV. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý**

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát, theo dõi công tác quản lý, điều hành của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý; kịp thời điều chỉnh để đảm bảo cho các hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đúng chủ trương, định hướng của Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT. Trong năm 2019, HĐQT đã giám sát, chỉ đạo Ban điều hành các lĩnh vực, công tác sau:

- Việc chấp hành và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy phạm nội bộ của Công ty;

- Tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;

- Thường xuyên giám sát các chi phí sản xuất, giá vé, giá cước của Ban điều hành cũng như nắm bắt kịp thời các diễn biến trong SXKD để kịp thời có các quyết định điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn trong sản xuất và kinh doanh để đảm bảo theo mục tiêu kế hoạch đã xây dựng;

- Thực hiện cơ chế phân cấp, giám sát đầu tư theo Quy chế quản lý kế hoạch và đầu tư của Công ty, HĐQT yêu cầu Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty chỉ thực hiện đầu tư các dự án, công trình theo kế hoạch và thẩm quyền của HĐQT đã phê duyệt, thông qua.

- Thực hiện công bố thông tin theo quy định;

- Các thành viên HĐQT tham dự họp giao ban hàng tháng, giữa tháng cùng Ban điều hành để giám sát, đồng thời tham gia chỉ đạo, định hướng hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

Nhìn chung, trong năm 2019, Tổng Giám đốc đã thực hiện trách nhiệm báo cáo, giải trình và công bố thông tin về tình hình hoạt động SXKD đầy đủ, minh bạch, đúng quy định; tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong điều hành SXKD. Tổng giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT; nỗ lực trong việc điều hành hoạt động kinh doanh, ứng phó với những biến động của thị trường trong bối cảnh khó khăn của ngành đường sắt.

Ban điều hành, các cán bộ quản lý khác đã có sự mẫn cán trong công việc, đã có những thay đổi trong tư duy kinh doanh, chủ động hơn, nỗ lực hơn đưa ra những chính sách, giải pháp đầy mạnh hoạt động kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ và đã tham mưu cho Tổng Giám đốc kịp thời, hiệu quả.

### **Phần thứ hai**

#### **Kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2020**

##### **I. Nhiệm vụ trọng tâm**

1.1. Tập trung thực hiện các Nghị quyết của Đảng ủy TCT ĐSVN và Đảng ủy Công ty, khắc phục triệt để tồn tại do chủ quan trong năm 2019; tập trung mọi nguồn lực, tổ chức thực hiện nghiêm túc, chủ động, quyết liệt phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch; xây dựng giá vé, giá cước sát với thị trường, tăng tính cạnh tranh; đạt



mục tiêu tài chính theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2020;

1.2. Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, kiểm tra giám sát việc thực hiện nhiệm vụ từ Công ty đến các đơn vị cơ sở; chủ động nâng cao chất lượng trong công tác tham mưu bảo đảm hoạt động SXKD có hiệu quả;

1.3. Bám sát kế hoạch nâng cấp cơ sở hạ tầng thực hiện gói 7.000 tỷ của TCT ĐSVN và diễn biến của dịch cúm Covid – 19 để xây dựng kế hoạch chạy tàu phù hợp trên từng tuyến, giảm thiểu tác động gián đoạn, hạn chế chạy tàu làm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD;

1.4. Tiếp tục kiểm soát tốt công tác đảm bảo an toàn GTVTĐS:

Về chủ quan: không để xảy ra tai nạn đặc biệt nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, giảm ít nhất 5% tai nạn chạy tàu nghiêm trọng, ít nghiêm trọng và sự cố chạy tàu có tính chất nghiêm trọng;

Về khách quan: kiểm chế và giảm thiểu sự cố, tai nạn do khách quan, phần đầu giảm ít nhất 5% ở cả ba tiêu chí: số vụ việc, số người chết và số người bị thương.

1.5. Tiếp tục áp dụng các biện pháp để giảm chi phí, hạ giá thành vận tải; kiểm soát chặt chẽ các chi phí năm 2020, đảm bảo SXKD có hiệu quả; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên mọi lĩnh vực, chống thất thoát vật tư, vật liệu, nhiên liệu, tiền vốn... Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra đánh giá chất lượng dự án đầu tư; chất lượng sửa chữa, khám chữa toa xe;

1.6. Tiếp tục mở rộng hệ thống bán hàng, đẩy mạnh phát triển đại lý bán vé trực tuyến, thanh toán qua nhiều kênh; đẩy mạnh công tác quảng bá truyền thông, tiếp thị (trên: Webstie, Facebook, VOV giao thông, Trung tâm VTV24,...) và chăm sóc khách hàng cả trong vận chuyển hành khách và hàng hóa;

1.7. Xây dựng các mục tiêu trọng tâm, đề ra hướng đi mới, đưa ra các sản phẩm, dịch vụ mới phù hợp với thị trường, thực tế SXKD trong cả vận chuyển hàng hóa và hành khách để thu hút thêm khách hàng, tăng sản lượng, doanh thu vận tải;

1.8. Tăng cường phát triển các loại hình dịch vụ, tận dụng cơ sở vật chất có sẵn của Công ty để hợp tác kinh doanh, khai thác mặt bằng hiện có, cho thuê vị trí quảng cáo (trụ sở, phương tiện vận tải, trang Web,...), dịch vụ trên tàu;

1.9. Nâng cao chất lượng phục vụ cả về phương tiện và con người; đề ra các biện pháp kiểm soát chất lượng phương tiện, trang thiết bị phục vụ HK, công tác vệ sinh; chống tiêu cực bao khách, bao hàng trên tàu;

1.10. Chuẩn bị đầy đủ nhân lực, cơ sở vật chất, phương tiện vận tải để thực hiện tốt kế hoạch vận tải cao điểm trong các dịp Lễ, Tết năm 2020;

1.11. Tham gia chỉ đạo đại hội Đảng các cấp, tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ Công ty VTSG lần thứ IV, NK 2020-2025 tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

## **II. Kế hoạch và các giải pháp cụ thể**

1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Tấn.Km tính đôi bằng: 70,3% trở lên so cùng kỳ;



- Doanh thu vận tải bằng: 62% trở lên so cùng kỳ;
- Tổng doanh thu đạt: 62% trở lên so cùng kỳ;
- Lợi nhuận: (-282,5 tỷ đồng)

## 2. Các giải pháp cụ thể:

### 2.1 Về kinh doanh vận tải hành khách và hàng hóa:

#### a. Về kinh doanh vận tải hành khách

Xây dựng giá vé, giá cước sát với thị trường, các chính sách hấp dẫn thu hút hành khách như: giá rẻ, giảm giá tập thể mua khứ hồi; thực hiện tốt kế hoạch Quý I/2020, trong đó tập trung vào đợt vận tải cao điểm Tết Nguyên đán Canh Tý 2020; tổ chức bán vé hiệu quả; mở rộng hệ thống đại lý, phát triển nhanh đại lý bán vé trực tuyến, thanh toán qua nhiều kênh;

Chủ động phối hợp, liên kết, hợp tác với nhiều Công ty du lịch để tăng cường bán buôn, có các chính sách ưu đãi với các doanh nghiệp du lịch tổ chức các tour du lịch đường sắt, nghiên cứu sản phẩm mới để khai thác tốt khách du lịch với mục tiêu phát triển, mở rộng kinh doanh vận tải hành khách gắn liền với du lịch.

Đẩy mạnh các hoạt động marketing, phát triển thị trường và chăm sóc khách hàng, đặc biệt marketing online; thường xuyên cập nhật thông tin về kế hoạch chạy tàu, chính sách kinh doanh, khuyến mại của Công ty, công khai minh bạch giá cước, giá vé và các dịch vụ kèm theo với nội dung ngắn gọn, dễ hiểu lên Website, Facebook và các phương tiện truyền thông đại chúng. Tiếp tục tăng cường công tác tiếp thị đến tận các nhà máy, các khu CN, các công ty du lịch điều tra khảo sát, nắm bắt nhu cầu đi lại, nhu cầu vận chuyển của khách hàng để phục vụ cũng như tháo gỡ những khó khăn vướng mắc.

Mở rộng và hoàn thiện hệ thống bán hàng, trong đó ưu tiên mạng lưới đại lý để tạo thuận lợi cho hành khách mua vé dễ dàng; tăng cường công tác bán buôn, có chế độ riêng cho khách hàng truyền thống và các tập thể lớn. Hoàn thiện các chức năng của hệ thống bán vé điện tử để thực hiện dễ dàng các chính sách về giá và chăm sóc khách hàng. Phát triển hình thức bán vé qua hàm API triển khai thử nghiệm trên môi trường giả lập, để làm cơ sở đánh giá lựa chọn ký kết hợp đồng bán vé chính thức sau này với các khách hàng có nhu cầu.

Phát triển vận chuyển hành lý, hàng hóa nhanh theo tàu khách bằng các toa xe hành lý đóng mới.

Nâng cao chất lượng phục vụ, chăm sóc khách hàng, lấy chất lượng phục vụ làm yếu tố cơ bản để cạnh tranh với các phương tiện vận tải khác. Thường xuyên có các chính sách linh hoạt nhằm thu hút, khuyến khích khách hàng sử dụng dịch vụ vận chuyển đường sắt. Ưu tiên và có chế độ riêng cho khách hàng truyền thống và các tập thể lớn.

#### b. Về kinh doanh vận tải hàng hóa

Tiếp tục phát huy những giải pháp mang lại hiệu quả đã triển khai thực hiện trong thời gian qua. Chủ động hơn trong công tác điều hành sản xuất, linh hoạt hơn trong vấn đề xây dựng và đưa ra các chính sách để thu hút khách hàng, kịp



thời nâng cao sức cạnh tranh với thị trường vận tải. Tích cực chủ động tìm kiếm luồng hàng, chân hàng mới để nâng cao sản lượng vận tải hàng hóa. Tiếp thu ý kiến của khách hàng, học tập kinh nghiệm ưu việt của loại hình vận chuyển bằng ô tô, đường biển để cải tiến các thủ tục vận chuyển không phù hợp của đường sắt, nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ, đáp ứng nhu cầu khách hàng.

Thường xuyên theo dõi nắm bắt luồng hàng và bám sát tình hình thực tế để thực hiện hiệu quả việc lập tàu, cấp xe, ưu tiên vận chuyển hàng chở nặng đi xa, hàng có bậc cước cao, vận chuyển hàng hai chiều, hàng nông sản thực phẩm của bà con nông dân; điều cấp xe giữa các ga và các khu vực hợp lý; tận dụng xe xếp hàng, hạn chế điều rỗng, tăng cường chỉ đạo các đơn vị trong việc xếp, dỡ hàng hóa, chống đọng xếp, đọng dỡ để giải phóng, quay vòng toa xe nhanh. Tận dụng ghép toa xe chở hàng chạy vào các đoàn tàu khách.

Tiếp tục nghiên cứu xây dựng giá cước vận chuyển linh hoạt như giá cước vận chuyển chiều nặng, chiều rỗng trên từng khu đoạn, từng mác tàu, cước vận chuyển container... Trên cơ sở tính toán chi phí giá thành vận tải, thông qua việc thống kê, phân tích số liệu luồng hàng và diễn biến nhu cầu của thị trường chủ động đề xuất điều chỉnh chính sách giá cước cho phù hợp, linh hoạt, có tính cạnh tranh, đề xuất các chính sách khuyến mại đối với từng loại khách hàng, từng thời điểm nhằm nâng cao năng lực vận chuyển, thu hút khách hàng cả chiều rỗng và chiều nặng, thu hút thêm khách hàng và tăng được sản lượng, doanh thu.

Phối hợp với các đơn vị liên quan để nâng cao tỷ lệ tàu hàng đi đến đúng giờ, đảm bảo kỳ hạn chuyên chở. Tập trung chỉ đạo để nâng cao chất lượng toa xe, giảm thiểu sự cố gây trở ngại chạy tàu, trở ngại thương vụ hàng hóa, phân tích đền bù những tổn thất về hàng hóa do quá trình vận chuyển gây ra đúng quy định, nhanh chóng kịp thời.

## *2.2. Công tác kế hoạch và đầu tư phát triển:*

Công tác kế hoạch: xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch, đảm bảo cân đối kế hoạch SXKD 2020; thực hiện giảm chi phí sản xuất ngay trên kế hoạch năm 2020 so với thực hiện năm 2019 (các chi phí liên quan đến SL-DT năm 2020 giảm ít nhất 20% so với năm 2019, trừ các chi phí phát sinh tăng năm 2020 theo quy định); ký kết các hợp đồng trong năm 2020 với TCT ĐSVN, Công ty VTHN, Ratraco ngay từ đầu năm để có cơ sở thực hiện; bám sát kế hoạch tiến độ triển khai thực hiện các dự án, kịp thời tham mưu giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện; tăng cường công tác kiểm tra giám sát công tác SXKD để điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình sản xuất, chỉ đạo điều hành.

Công tác đầu tư: bố trí vốn khấu hao làm một phần vốn đối ứng cho dự án NCCT khoảng 30 toa xe khách và đầu tư mới 8 toa xe HL (do nguồn vốn khấu hao TSCĐ năm 2020 chủ yếu bổ sung vốn cho các dự án hoàn thành thiếu vốn vay, trả nợ gốc vay các dự án và bổ sung vốn đối ứng cho các dự án đã hoàn thành năm 2019 nên nguồn kinh phí đầu tư mới cho năm 2020 rất hạn chế).

Công tác đảm bảo an toàn chạy tàu, ANTT, PCCN:



- Tiếp tục siết chặt kỷ cương an toàn đường sắt; nâng cao trách nhiệm đối với người đứng đầu trong công tác bảo đảm ATGTĐS tại các đơn vị; thực hiện nghiêm Quy định xử lý trách nhiệm người quản lý công ty, người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong công tác đảm bảo ATCT (theo Quyết định số 343/QĐ-HĐQT ngày 08/6/2018 của Công ty VTSG); xây dựng biện pháp đảm bảo ATGTĐS phù hợp nhiệm vụ SXKD của đơn vị; thường xuyên tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm, thực hiện nghiêm túc QTQP, nội quy lao động và các văn bản của cấp trên về công tác đảm bảo ATGTĐS đến toàn thể CBCNV, NLD Công ty;

- Rà soát, kiện toàn hệ thống quản lý ATGTĐS từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ và ý thức trách nhiệm đối với đội ngũ làm công tác liên quan đến chạy tàu; gắn trách nhiệm cá nhân, người đứng đầu bộ phận, đơn vị với chất lượng sản phẩm; rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy định trong công tác đảm bảo ATGTĐS cho phù hợp với điều kiện SX thực tế của từng đơn vị và quy định hiện hành của các cấp;

- Nâng cao ý thức trách nhiệm cán bộ kiểm tra, chất lượng công tác kiểm tra, xử lý sau kiểm tra; cải tiến, đổi mới phương pháp, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra; phát huy hiệu quả công tác tự kiểm tra tại các đơn vị; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với NLD về ATGTĐS, bộ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt và các văn bản có liên quan đến công tác đảm bảo ATGTĐS; kiểm soát, phòng ngừa ngăn chặn gian lận thương mại, hàng lậu, hàng cấm vận chuyển bằng đường sắt, đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

### *2.3. Công tác Đầu máy - Toa xe:*

Thực hiện kế hoạch sửa chữa định kỳ đầu máy toa xe, đảm bảo 100% xe vận dụng không giám định kỹ thuật để gia hạn, không nợ cấp; rà soát thanh lý các toa xe; đầu tư mới, nâng cấp cải tạo một số toa xe đã xuống cấp; cải tạo xà gối bệ xe hàng để lắp GCH thép đúc Đồng lãng, Mi Sơn thu hồi từ các xe thanh lý 2018-2019 thay thế GCH GHV01 để đảm bảo ATCT, nâng tốc độ, tải trọng; củng cố, giám sát, quản lý chặt hệ thống kiểm tra, kiểm soát chất lượng sửa chữa, nâng cấp cải tạo các cấp từ: tổ đội sản xuất, KCS, nghiệm thu viên, gắn trách nhiệm cá nhân với sản phẩm do mình thực hiện; đánh giá chất lượng các nhà thầu tư vấn thiết kế, nhà thầu giám sát, nhà thầu thi công sau một dự án lớn để có sự lựa chọn đối tác có chất lượng, trách nhiệm cao hơn khi làm dự mới, loại nhà thầu có ghi nhận xấu; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra; công tác xử lý kỷ luật bảo đảm tính nghiêm minh, đặc biệt là với khuyết điểm mang tính lặp lại, lỗi hệ thống,...

### *2.4. Công tác Tài chính – Kế toán:*

Quản lý chặt chẽ công tác tài chính, kế toán và chỉ đạo các đơn vị thực hiện đúng chế độ quy định; hoàn thành báo cáo tài chính, công bố thông tin đại chúng đúng thời gian quy định; làm việc với Cục thuế quyết toán thuế năm 2019; tập trung kiểm soát tốt chi phí từ Công ty đến các đơn vị cơ sở; kiểm soát chặt chẽ các dự án đầu tư.

### *2.5. Công tác Công nghệ thông tin – thống kê:*



Phối hợp với Công ty FPT để đảm bảo hệ thống BVĐT, hóa đơn điện tử, phần mềm lõi QTVTHH hoạt động liên tục, ổn định, giải quyết kịp thời các sự cố phát sinh; kiểm soát tốt trong các đợt cao điểm bán vé phục vụ hành khách; đảm bảo hệ thống quản lý sản xuất điều hành được thông suốt từ Công ty đến các đơn vị; phát triển bán vé qua hàm API cho các đơn vị: VietLife, Tiim, EasyBook, Nguyễn Dương, Mai Linh và Traveloka nhằm mở rộng kênh phân phối vé; mở rộng hợp tác với các đối tác thứ ba trong việc phân phối vé tàu.

Xây dựng sản phẩm dịch vụ VTHH, tạo kênh thông tin cho khách hàng dễ tiếp cận với dịch vụ vận chuyển hàng hóa của đường sắt; chuẩn hóa quy trình quản lý, khai thác vận chuyển hành lý bao gửi trên các đoàn tàu khách, tích hợp trên phần mềm lõi QTVTHH.

#### 2.6. Công tác quản trị doanh nghiệp:

Tiếp tục rà soát lại cơ cấu tổ chức, đầu mối quản lý để sắp xếp, điều chỉnh cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu SXKD, bảo đảm tinh gọn, hiệu quả; nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ để đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty; chú trọng đào tạo và đào tạo lại đội ngũ nhân viên kinh doanh bán hàng và trực tiếp phục vụ khách hàng, công nhân kỹ thuật cơ khí, toa xe để đáp ứng yêu cầu sản xuất, tăng năng suất lao động, tăng năng lực cạnh tranh, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực tại chỗ; hoàn thiện hệ thống đánh giá chất lượng KPIs để đưa vào thực hiện chính thức và nghiên cứu xây dựng hệ thống trả lương 3Ps; xây dựng môi trường làm việc thân thiện; chế độ tiền lương, thưởng đảm bảo công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng công việc của từng vị trí, tạo động lực cho NLĐ phát huy hết khả năng và thu hút, giữ chân NLĐ giỏi gắn bó với Công ty. Bố trí, sắp xếp lao động hợp lý và có các chính sách hỗ trợ lao động trong thời gian ảnh hưởng của dịch cúm Covid – 19.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2019 và định hướng hoạt động năm 2020. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và có ý kiến xây dựng.

Thay mặt HĐQT, tôi xin chân thành cảm ơn các quý vị cổ đông đã tin tưởng và gắn bó cùng Công ty trong năm qua. Chúng tôi mong muốn trong thời gian tới sẽ tiếp tục nhận được sự đồng lòng, ủng hộ, sự chung tay góp sức của Quý vị để cùng nhau đưa Công ty ngày càng phát triển hơn nữa để đem lại lợi ích cho cổ đông, nâng cao đời sống người lao động và ngày càng có nhiều đóng góp cho cộng đồng xã hội.

Xin chúc Quý vị cổ đông, quý vị đại biểu mạnh khỏe hạnh phúc.

Xin trân trọng cảm ơn./

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Nhân**



**CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT**  
(Kèm theo Báo cáo hoạt động của HĐQT)

**I. Các Nghị quyết của HĐQT:**

TT	Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung
1	01-19/NQ-HĐQT	08/01/2019	Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019
2	02-19/NQ-HĐQT	07/03/2019	Ngày đăng ký cuối cùng tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và chi trả cổ tức năm 2017
3	03-19/NQ-HĐQT	28/03/2019	Đánh giá kết quả kinh doanh Quý I/2019, phương hướng, nhiệm vụ Quý II/2019 và công tác tổ chức, nhân sự
4	04-19/NQ-HĐQT	31/05/2019	Công tác tổ chức, nhân sự
5	05-19/NQ-HĐQT	05/07/2019	Đánh giá kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2019, phương hướng, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2019
6	06-19/NQ-HĐQT	28/08/2019	Dự kiến Điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2019, các giải pháp tài chính kế toán
7	07-19/NQ-HĐQT	10/10/2019	Đánh giá kết quả hoạt động 9 tháng đầu năm 2019 và nhiệm vụ Quý 4/2019
8	08-19/NQ-HĐQT	22/10/2019	Điều chỉnh loại chứng khoán từ loại “Chuyển nhượng có điều kiện” sang loại “Chuyển nhượng tự do”
9	09-19/NQ-HĐQT	28/11/2019	Thực hiện chủ trương khai thác cơ sở nhà đất tại 136 Hàm Nghi, Quận 1, TP.HCM

**II. Các Quyết định của HĐQT:**

TT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	08/QĐ-HĐQT	05/01/2019	Ban hành Quy định về quản lý an toàn giao thông đường sắt
2	48/QĐ-HĐQT	15/01/2019	Ban hành Quy chế trả công khuyến khích tiết kiệm nhiên liệu chạy máy phát điện
3	223/QĐ-VTSG	20/02/2019	V/v nghi việc hưởng chế độ hưu trí
4	342/QĐ-HĐQT	13/03/2019	Phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động năm 2019
5	345/QĐ-HĐQT	14/03/2019	Quy định về công tác kiểm tra vận tải-ATGTĐS
6	356/QĐ-HĐQT	22/03/2019	Thành lập Ban tổ chức kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019
7	415/QĐ-HĐQT	26/04/2019	Phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2019
8	416/QĐ-HĐQT	26/04/2019	Phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018
9	422/QĐ-VTSG	04/05/2019	Phê duyệt Quỹ tiền lương kế hoạch tạm giao năm 2019

TT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
10	423/QĐ-HĐQT	04/05/2019	Chuyên xếp lương đối với cán bộ công đoàn chuyên trách
11	468/QĐ-HĐQT	05/06/2019	Thành lập Phòng Tổ chức Cán bộ - Lao động và Văn phòng Công ty
12	489/QĐ-HĐQT	21/06/2019	Quy định phân công nhiệm vụ trong HĐQT
13	490/QĐ-HĐQT	21/06/2019	Quy định phát hành Thẻ khách hàng
14	507/QĐ-HĐQT	11/07/2019	Cử cán bộ đi công tác, học tập nước ngoài
15	572/QĐ-HĐQT	30/08/2019	Nâng bậc lương định kỳ năm 2019
16	579/QĐ-HĐQT	30/08/2019	Quy chế Đại lý bán vé tàu hỏa
17	597/QĐ-HĐQT	03/10/2019	Phê duyệt Kế hoạch SXKD điều chỉnh năm 2019
18	658/QĐ-HĐQT	05/11/2019	Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2019
19	659/QĐ-HĐQT	05/11/2019	Phê duyệt Kế hoạch mua sắm vật tư phụ tùng
20	683/QĐ-VTSG	02/12/2019	Sửa đổi, bổ sung Quy định phát hành Thẻ khách hàng
21	697/QĐ-VTSG	20/12/2019	Công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” năm 2019
22	706/QĐ-HĐQT	24/12/2019	Quy định giá cước vận chuyển hàng hóa bằng đường sắt
23	715/QĐ-HĐQT	30/12/2019	Cử nhân sự đi công tác nước ngoài



**BÁO CÁO**  
**Kết quả SXKD và đầu tư phát triển năm 2019**  
**và dự kiến kế hoạch SXKD & đầu tư phát triển năm 2020**

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông

Thay mặt Ban điều hành, tôi xin phép báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thực hiện SXKD và đầu tư phát triển của Công ty VTSG năm 2019; Kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển năm 2020, với các nội dung như sau:

**Phần thứ nhất**  
**Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019**

**I. Tình hình thực hiện kế hoạch, kết quả SXKD năm 2019:**

Năm 2019, Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn (Công ty VTSG) tiếp tục phải đối mặt với sự cạnh tranh quyết liệt của các phương tiện vận tải như: hàng không, đường bộ và đường biển; thị phần vận tải đường sắt tiếp tục sụt giảm sâu và yếu thế hơn so với các phương thức vận tải khác; vận tải hàng hóa chưa tham gia sâu rộng vào dịch vụ Logistics, chi phí 2 đầu cao, thời gian chạy tàu dài, giá cước chưa thực sự linh hoạt theo biến động của thị trường, thiếu chủng loại toa xe Mc, chưa đáp ứng nhu cầu xếp hàng của khách hàng; chất lượng phương tiện chuyên chở lạc hậu; cơ sở hạ tầng, năng lực chạy tàu chưa được cải thiện; hiện tượng đường xóc, lắc làm ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ; tỷ lệ tàu đi đến đúng giờ đạt thấp (đặc biệt là tàu hàng), thời gian đỗ động và quay vòng toa xe kéo dài làm ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ vận tải. Bên cạnh đó, các dự án đầu tư đóng mới phương tiện toa xe khách cũng tạo cho Công ty áp lực phải tăng trả khấu hao và lãi vay ngân hàng; giá cả nhiên liệu và các dịch vụ mua ngoài tăng gây khó khăn trong việc kiểm soát chi phí và ảnh hưởng không nhỏ đến việc xây dựng và thực hiện các chính sách giá cước.

Trước những khó khăn, thách thức trên, Ban điều hành đã có nhiều cố gắng thực hiện nhiều giải pháp đẩy mạnh kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ như:

\* Về vận tải hành khách

- Xây dựng kế hoạch chạy tàu phù hợp nhu cầu vận tải tại từng thời điểm, như: dịp Tết Dương lịch chạy thêm tàu khu đoạn phục vụ khách du lịch đáp ứng hết nhu cầu; Tết Nguyên đán 2019 sử dụng tối đa toa xe hiện có, theo sát tiến độ đóng mới



toa xe để chạy thêm tàu Sài Gòn - Quy Nhơn, Nha Trang - Huế phục vụ nhu cầu tăng cao; khi thấp điểm giảm tàu SE25/26 để tiết kiệm chi phí; vào các dịp Lễ, sử dụng hết các xe có ĐHKK để lập tàu phục vụ hành khách; dịp hè tăng thêm tàu SE11/12, tàu khu đoạn SE27/28, tăng cường lập thêm tàu khu đoạn trên các tuyến có nhu cầu cao (Sài Gòn - Nha Trang - Phan Thiết), quay chung ram xe tàu SPT3/4 với SNT1/2, tàu SE21/22 với NH1/2 để nâng cao hiệu quả sử dụng toa xe; xây dựng kế hoạch chạy tàu mùa thấp điểm sau hè: tạm ngừng chạy tàu SE25/26, NH1/2; lập tàu đáp ứng theo nhu cầu riêng cho các tập thể mua vé trọn chuyến;

- Bám sát kế hoạch và chi phí trong năm 2019; xây dựng và ban hành giá vé bám sát thị trường, điều chỉnh linh hoạt phù hợp với luồng khách, như: giá vé thấp điểm, Lễ, Tết, Hè, giá rẻ, giá vé sát ngày tàu chạy, giá vé đầu tuần, cuối tuần theo từng cung chặng, giảm giá khứ hồi, giảm giá khách hàng thân thiết để thu hút luồng khách thấp điểm, tăng thu dịp cao điểm;

- Phương án bán vé được xây dựng có nhiều kịch bản dành chỗ: đường dài, đi ngay, mở bán gọn các toa để khai thác tốt nhất số chỗ hiện có, dễ mua, dễ cất nôi xe, phục vụ tập thể; phối hợp với các đơn vị để thường xuyên điều chỉnh PABV phù hợp với luồng khách, đáp ứng tối đa nhu cầu của các đơn vị;

- Các chính sách giá linh hoạt: giảm giá sâu khi mua vé trước nhiều ngày; tập thể được tính từ 10 người, chiết khấu cao hơn, giảm giá sâu cho HDV; giảm giá kích cầu du lịch, du xuân; chính sách giá vé giảm sâu cho CBCNV trong TCT ĐSVN, công đoàn viên; chính sách ưu đãi để bán chỗ trọn toa suốt năm cho các Công ty kinh doanh dịch vụ lữ hành tạo nguồn thu ổn định; mở rộng hợp tác với nhiều Hiệp hội du lịch, các Công ty DVVT để tăng cường bán vé đoàn;

- Mở rộng hệ thống phân phối bằng cách phát triển đại lý bán vé tàu hỏa dựa trên quy chế đại lý mới, có hoa hồng và thu tiền dịch vụ (đến tháng 12/2019 mở được 140 đại lý, tăng hơn 40 đại lý); tham mưu phát triển loại hình đại lý bán vé trực tuyến, thanh toán qua nhiều kênh, giảm lượng khách tập trung về các ga mua vé (đặc biệt là dịp cao điểm bán vé Tết Nguyên đán Canh Tý 2020 tại Ga Sài Gòn);

- Công tác chăm sóc khách hàng, thông tin quảng bá, truyền thông đã có chuyển biến tích cực, đặc biệt trong dịp Tết; sự tương tác với khách hàng gần gũi và thấu hiểu hơn, truyền tải và giải quyết được thắc mắc của hành khách cũng như cách giải quyết của Công ty kịp thời và hợp lý; tinh thần thái độ phục vụ cải thiện rõ nét, đã có nhiều tấm gương giúp đỡ hành khách, nhặt được và trả lại hành lý, tư trang bỏ quên có giá trị lớn được hành khách, cơ quan quản lý nhà nước, khen ngợi, đánh giá cao;

- Chỉ đạo quyết liệt để nâng cao chất lượng phục vụ, vệ sinh toa xe, trong đó có tháng tổng vệ sinh từ 10/4 đến 10/5 và các giải pháp khử mùi tàu để giữ chất lượng cao bền vững hơn.



**\* Về vận tải hàng hóa:**

- Bám sát nhu cầu thị trường để thực hiện tốt và đúng lộ trình điều chỉnh giá cước vận chuyển hàng hóa trong năm 2019 theo Nghị quyết của HĐQT; hiệu quả kinh doanh vận tải hàng hóa được nâng cao; có chính sách kịp thời điều chỉnh giá cước trên luồng điều rỗng để thu hút luồng hàng mới và giữ chân các chủ hàng đang vận chuyển với đường sắt; quản lý chặt chẽ thu chi vận doanh, lập tàu, điều xe hợp lý để giảm chi phí; xây dựng và hoàn thiện các quy chế, nâng cao hiệu quả khai thác;

- Phối hợp với các Công ty VTHN và Ratraco tổ chức quay chung xe, nối ghép vào tàu của nhau để giảm thời gian quay vòng toa xe, tiết kiệm chi phí.

Tổng doanh thu năm 2019 đạt 2.053.957 triệu đồng, bằng 92,5 % kế hoạch được thông qua và bằng 98% so với năm 2018. Năm 2019, Công ty đã triệt để tiết giảm và quản lý chặt chi phí, so với năm 2018, chi phí vận tải tại Công ty giảm 133,8 tỷ và vẫn đạt 14.604 triệu đồng lợi nhuận, bằng 146% kế hoạch được thông qua (năm 2018 lỗ -51.136 triệu đồng).

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty đã được phản ánh đầy đủ, rõ ràng, trung thực trong báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán BDO.

**Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2019:**

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHĐCĐ	Thực hiện	Tỷ lệ
<b>I</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.220.906.000.000</b>	<b>2.053.956.729.160</b>	<b>92,5%</b>
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.025.691.555.185	
2	Doanh thu tài chính		3.945.725.341	
3	Thu nhập khác		24.319.448.634	
<b>II</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>2.208.406.000.000</b>	<b>2.039.352.051.968</b>	<b>92,3%</b>
1	Chi phí bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.986.099.212.797	
2	Chi phí tài chính		49.026.038.165	
3	Chi phí khác		4.226.801.006	
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>14.604.677.192</b>	<b>146,0%</b>

## **II. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển năm 2019:**

- Năm 2019 do nguồn vốn khấu hao TSCĐ chủ yếu dùng để trả nợ gốc vay các dự án, bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành và chuyển tiếp từ năm 2018 chuyển sang còn thiếu vốn đối ứng nên không còn nguồn vốn để bố trí đầu tư mới năm 2019 (chỉ đủ nguồn vốn bố trí cho đầu tư mới xe ô tô 16 chỗ- Chi nhánh VTĐS Đà Nẵng với TMĐT 798 triệu đồng).

- Trong năm 2019 đã thực hiện hoàn thành 10 dự án đầu tư/11 dự án được phê duyệt trong kế hoạch đầu tư phát triển năm 2019, cụ thể như sau:

+ Máy móc thiết bị, PTVT: 05 dự án (01 Máy tiện đứng chuyên dùng, 01 lò nướng đa năng, 01 xe ô tô 16 chỗ, 01 Bộ thử tải tĩnh GCH toa xe khách, Ky thủy lực): Đã thực hiện hoàn thành kịp thời đưa vào phục vụ sản xuất và hoàn thành quyết toán các dự án này là 2.606,28 triệu đồng, giảm 478,72 triệu đồng so TMĐT được duyệt.

+ Đầu tư mới và NCCT toa xe (03 dự án): Thí điểm NCCT 03 toa xe khách sử dụng vật liệu mới; Hoàn thiện gói thầu số 4 mua mới 15 toa xe khách đợt 2 của dự án đầu tư mới 30 toa xe khách giai đoạn 2018-2020 kịp thời phục vụ công tác vận tải hè 2019; Đầu tư mới 50 toa xe Mc năm 2018 hoàn thành tháng 10/2019 đã đưa vào khai thác phục vụ ngày công tác vận tải hàng hóa từ đầu tháng 10/2019): Đã thực hiện quyết toán các dự án này là 349.604,34 triệu đồng, giảm 29.055,66 triệu đồng so TMĐT được duyệt.

+ Công trình kiến trúc (02 dự án): Hệ thống giặt ủi công nghiệp và Trạm biến áp 250 KVA: đã hoàn thành bàn giao trong tháng 01/2019 kịp thời phục vụ ngay chiến dịch vận tải tết Nguyên đán năm 2019, các dự án đã hoàn thành quyết toán 6.294,5 triệu đồng giảm 605,5 triệu đồng so TMĐT được duyệt.

Tổng số thực hiện hoàn thành 10 dự án nêu trên trong năm 2019 đã thực hiện quyết toán là 358.505,12 triệu đồng giảm 30.319,88 triệu đồng so TMĐT được duyệt.

- Các dự án sử dụng đất: hiện nay Công ty đang phối hợp cùng các đơn vị liên quan hoàn thiện các thủ tục về đất đai với địa phương.

### **Phần thứ hai**

## **Kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển năm 2020**

### **I. Phương hướng, nhiệm vụ SXKD năm 2020**

#### **1. Kế hoạch SXKD năm 2020:**

Năm 2020, dự báo tình hình kinh doanh sẽ cực kỳ khó khăn do ngay từ đầu năm dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh, vận



chuyển hàng hóa, hành khách, du lịch, thương mại trong cả nước; trong đó, chịu tác động trực tiếp là vận tải đường sắt dẫn đến sản lượng, doanh thu sụt giảm sâu so cùng kỳ, đặc biệt là vận tải hành khách, luồng khách dự báo tiếp tục giảm mạnh và mùa hè học sinh phải học bù nên lượng khách đi du lịch cũng sẽ giảm sâu, ngoài ra sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của các phương tiện vận tải khác, đặc biệt là hàng không trong khi năng lực nội tại chưa có chuyển biến khả quan, vì vậy sẽ dẫn đến sụt giảm sản lượng và doanh thu năm 2020 là rất cao so với năm 2019. Trước tình hình thị trường vận tải biến động theo chiều hướng xấu Hội đồng Quản trị Công ty đã thống nhất định hướng các chỉ tiêu SXKD chủ yếu như sau:

- Tổng doanh thu (dự kiến): **1.276** tỷ đồng, giảm 38% so với năm 2019, trong đó doanh thu vận tải là 1.116,5 tỷ đồng, giảm 38% so với năm 2019;

- Lợi nhuận: **(-282,5** tỷ đồng).

- Về Doanh thu:

Năm 2020 do phải chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh nên Công ty xây dựng kế hoạch doanh thu theo kịch bản *Dịch bệnh Covid -19 kéo dài và ảnh hưởng nghiêm trọng đến hết tháng 6/2020* cụ thể như sau:

- Doanh thu vận tải (không tính phí trả vé) ước đạt: 1.116,5 tỷ đồng, giảm 682 tỷ đồng và = 62,1% so với năm 2019 cụ thể:

- + Quý I thực hiện: 414 tỷ đồng = 81,4% so với năm 2019;

- + Quý II dự kiến (*chịu ảnh hưởng trực tiếp từ dịch bệnh*): 149,5 tỷ đồng = 30% so với năm 2019;

- + Quý III dự kiến (*kết thúc dịch bệnh nhưng vẫn chịu ảnh hưởng sau dịch*): 250 tỷ đồng = 50% so với năm 2019;

- + Quý IV dự kiến (*ảnh hưởng sau dịch bệnh và ảnh hưởng thi công dự án 7.000 tỷ đồng*): 200 tỷ đồng = 70% so với năm 2019.

- Doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải: 73,2 tỷ đồng giảm 48,6 tỷ đồng và = 60% so với năm 2019;

- Tổng thu: 1.276 tỷ đồng, giảm 778 tỷ đồng và = 62 % so với năm 2019.

- Về chi phí:

Với các chi nhánh vận tải, Đoàn TVPN chi phí dự kiến xây dựng theo sản lượng kế hoạch và giao theo đơn giá SPTN bằng năm 2019, riêng Xí nghiệp toa xe Sài Gòn giao theo SPTN và chi phí theo 56 KMC. Các chi phí phát sinh lớn đưa ra ngoài đơn giá SPTN và chỉ thực hiện khi có các văn bản phê duyệt của Công ty VTSG.

**Các chi phí chủ yếu dự kiến so với năm 2019: Giảm 480,6 tỷ đồng cụ thể:**

- Chi phí cơ sở hạ tầng đường sắt (8% Doanh thu vận tải): giảm 54 tỷ đồng.
- Chi phí thanh toán Tổng Công ty: giảm 246,6 tỷ đồng = 72,4 % so với năm 2019.

Trong đó tạm tính theo kế hoạch chạy tàu (Kịch bản 2: Ảnh hưởng của dịch bệnh đến hết Quý 2, đầu Quý 4 thì công dự án 7.000 tỷ):

+ Chi phí Đoàn tàu.Km: giảm 66,5 tỷ đồng (sản lượng tàu khách = 71,3%, tàu hàng = 80% năm 2019 x đơn giá năm 2019)

+ Chi phí Đầu máy.Km: giảm 86,5 tỷ đồng (sản lượng tàu khách = 71,3%, tàu hàng = 80% năm 2019 x đơn giá năm 2019)

+ Chi phí Tản.Km.TT : giảm 83,7 tỷ đồng (tạm tính đơn giá nhiên liệu 12.000 đồng/lít)

+ Chi phí thuê phần mềm BVĐT: giảm 4,1 tỷ đồng.

- Chi phí thanh toán tác nghiệp làm hộ giữa các Công ty vận tải: giảm 50 tỷ đồng.

- Khấu hao TSCĐ: giảm 3,9 tỷ đồng (do một số TSCĐ đã hết khấu hao và giãn trích khấu hao TSCĐ toa xe theo văn bản chấp thuận kéo dài thời gian trích khấu hao các toa xe đóng mới của Bộ Tài Chính)

- Bảo hiểm XH, YT...: tăng 2,6 tỷ đồng (hệ số lương tối thiểu vùng tăng từ 4.180.000đ lên 4.420.000đ từ ngày 01/01/2020).

- Trợ cấp thôi việc: Tạm bố trí 4,8 tỷ đồng.

- Tiền lương vận tải: giảm 22 tỷ đồng ≈ 10%.

- Các chi phí như Vật liệu, Nhiên liệu, DVMN, chi khác của Công ty giảm: 55,3 tỷ đồng, trong đó:

- Chi phí tài chính (lãi vay dự án): tăng 10,9 tỷ đồng (do trả thêm lãi vay 15 toa xe khách, 50 toa xe Mc mua mới năm 2018)

- Chi phí dịch vụ hỗ trợ vận tải: giảm 44,8 tỷ đồng (Doanh thu dịch vụ HTVT giảm 48,6 tỷ đồng).

- Chi phí năm 2019 chuyển sang (phân bổ ½ chi phí sửa chữa nhỏ toa xe): 24,9 tỷ đồng.

- Các chi phí như Vật liệu, Nhiên liệu, DVMN, chi khác của Công ty giảm: 76,5 tỷ đồng.



- Lợi nhuận: (-282,5 tỷ đồng)
- Chi phí chuyển sang năm 2021 (phân bổ  $\frac{1}{2}$  chi phí sửa chữa nhỏ toa xe): 26,7 tỷ đồng.

(Chi tiết theo phụ lục số 01 đi kèm)

## 2. Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020:

- Nguồn vốn khấu hao TSCĐ năm 2020 chủ yếu bổ sung vốn cho các dự án hoàn thành thiếu vốn vay, dự án đầu tư phát triển năm 2019 thiếu vốn đối ứng, trả nợ gốc vay các dự án. Do vậy, không còn nhiều nguồn kinh phí đầu tư mới cho năm 2020, chỉ còn lại khoảng 12,5 tỷ dùng để bố trí 50% vốn cho dự án “đầu tư mới 08 toa xe HL năm 2020” với tổng mức đầu tư dự kiến 24 tỷ đồng.

- Tạm dừng triển khai dự án đầu tư xe ô tô 7 chỗ năm 2019 chuyển sang; tiếp tục thực hiện các thủ tục tiếp theo cho các dự án có sử dụng đất.

(Chi tiết theo phụ lục số 02 đi kèm)

## II. Các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2020:

Trên cơ sở định hướng các giải pháp thực hiện kế hoạch của Hội đồng quản trị đề ra, Ban điều hành sẽ cụ thể hóa từng nội dung giải pháp và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Trên đây là kết quả thực hiện SXKD năm 2019 và nhiệm vụ kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển năm 2020, Ban điều hành trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty VTSG năm 2020./.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đào Anh Tuấn

**PHỤ LỤC 01: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020**

*DVT: Triệu đồng*

STT	NỘI DUNG	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	So sánh cùng kỳ	
				Chênh lệch	%
<b>A</b>	<b>Tổng Thu SXKD</b>	<b>2.053.957</b>	<b>1.276.220</b>	<b>-777.737</b>	<b>62,1%</b>
<b>I</b>	<b>Doanh thu bán hàng và CCDV</b>	<b>2.025.691</b>	<b>1.253.200</b>	<b>-772.492</b>	<b>61,9%</b>
1	Doanh thu vận tải	1.798.663	1.116.500	-682.163	62,1%
a	Doanh thu Hàng hóa	342.371	308.000	-34.371	90,0%
b	Doanh thu Hành khách	1.408.476	780.000	-628.476	55,4%
c	Doanh thu Hành lý	37.988	19.000	-18.988	50,0%
d	Doanh thu thuê xe HC, Du lịch bãi dài	2.829	3.000	171	106,1%
e	Thu khác (c tác cứu viện..)	7.000	6.500	-500	92,9%
2	Doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải	121.881	73.200	-48.681	60,1%
3	Doanh thu làm hộ tác nghiệp	105.147	63.500	-41.647	60,4%
a	Cty VTĐS Hà Nội	99.070	59.500	-39.570	60,1%
c	Cty Ratraco	6.077	4.000	-2.077	65,8%
<b>II</b>	<b>Thu tài chính</b>	<b>3.946</b>	<b>1.020</b>	<b>-2.925</b>	<b>25,9%</b>
<b>III</b>	<b>Thu nhập khác</b>	<b>24.319</b>	<b>22.000</b>	<b>-2.320</b>	<b>90,5%</b>
1	Vận tải (Phí trả vé..)	18.359	12.000	-6.359	65,4%
2	Hỗ trợ vận tải (thanh lý...)	5.960	10.000	4.040	167,8%
<b>B</b>	<b>Tổng chi phí SXKD</b>	<b>2.039.352</b>	<b>1.558.720</b>	<b>-480.632</b>	<b>76,4%</b>
<b>I</b>	<b>Chi phí bán hàng và CCDV</b>	<b>1.944.393</b>	<b>1.467.958</b>	<b>-476.435</b>	<b>75,5%</b>
1	Phí cơ sở hạ tầng đường sắt	143.333	89.320	-54.013	62,3%
2	Thanh toán Tổng Công ty	894.473	647.848	-246.624	72,4%
a	Chi phí điều hành	880.491	638.174	-242.317	72,5%
	<i>Đoàn tàu.Km</i>	<i>267.134</i>	<i>200.550</i>	<i>-66.584</i>	<i>75,1%</i>
	<i>Đầu máy.Km</i>	<i>347.275</i>	<i>260.715</i>	<i>-86.559</i>	<i>75,1%</i>
	<i>Tấn.Km tổng trọng</i>	<i>251.171</i>	<i>167.393</i>	<i>-83.779</i>	<i>66,6%</i>
	<i>Dịch vụ công tác HK</i>	<i>12.409</i>	<i>7.488</i>	<i>-4.921</i>	<i>60,3%</i>
	<i>Dịch vụ công tác HH</i>	<i>2.413</i>	<i>1.983</i>	<i>-430</i>	<i>82,2%</i>
	<i>Giao tiếp LVQT</i>	<i>88</i>	<i>44</i>	<i>-44</i>	<i>50,0%</i>
b	Chi phí thuê phần mềm BVĐT	13.588	9.475	-4.113	69,7%
	<i>Chi phí thuê phần mềm BVĐT</i>	<i>13.588</i>	<i>7.475</i>	<i>-6.113</i>	<i>55,0%</i>
	<i>Chi phí thuê phần mềm Lỗi QTHH</i>		<i>2.000</i>	<i>2.000</i>	
c	Chi phí sử dụng đầu máy toa xe LVQT	394	200	-194	50,8%
3	Thanh toán Cty VTHN	122.528	73.300	-49.228	59,8%
	<i>Chi phí tác nghiệp hộ</i>	<i>122.148</i>	<i>73.300</i>	<i>-48.848</i>	<i>60,0%</i>
	<i>Chi phí thuê xe Mc</i>	<i>380</i>		<i>-380</i>	<i>0,0%</i>



STT	NỘI DUNG	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	So sánh cùng kỳ	
				Chênh lệch	%
4	Thanh toán Cty Ratraco	513	300	-213	58,4%
5	Thanh toán ĐHGTDĐS Đà Lạt - Trại Mát	935	560	-375	59,9%
6	Thanh toán khác	305	180	-125	59,0%
	<i>Chi phí thuê hệ thống hóa đơn điện tử</i>	<i>305</i>	<i>180</i>	<i>-125</i>	<i>59,0%</i>
7	Chi phí vận tải tại Công ty	664.236	583.250	-80.986	87,8%
7.1	Nhóm 1	210.693	207.152	-3.541	98,3%
a	Khấu hao TSCĐ	124.738	120.751	-3.987	96,8%
b	Bảo hiểm YT+ BHXH...	39.234	41.897	2.662	106,8%
c	Thuê đất, thuê đất, thuê MB	19.994	19.885	-108	99,5%
d	Trợ cấp thôi việc	5.613	4.873	-740	86,8%
e	Sửa chữa lớn TSCĐ(không lương)	21.114	19.746	-1.367	93,5%
	<i>1/3 Chi phí SCL năm 2020</i>		<i>4.332</i>	<i>4.332</i>	
	<i>1/3 Chi phí SCL năm 2019</i>	<i>5.102</i>	<i>5.102</i>	<i>0</i>	<i>100,0%</i>
	<i>1/3 Chi phí SCL năm 2018</i>	<i>10.312</i>	<i>10.312</i>	<i>0</i>	<i>100,0%</i>
	<i>1/3 Chi phí SCL năm 2017</i>	<i>5.700</i>		<i>-5.700</i>	<i>0,0%</i>
7.2	Nhóm 2	453.543	376.098	-77.445	82,9%
a	Tiền lương	222.120	200.000	-22.120	90,0%
b	Các yếu tố còn lại (VL,NL,DVMN,Chi #)	231.423	176.098	-55.326	76,1%
8	Chi phí dịch vụ hỗ trợ vận tải	118.070	73.200	-44.870	62,0%
<b>II</b>	<b>Chi phí tài chính (lãi vay dự án)</b>	<b>49.026</b>	<b>60.000</b>	<b>10.974</b>	<b>122,4%</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>4.227</b>	<b>5.800</b>	<b>1.573</b>	<b>137,2%</b>
1	Vận tải	2.716	1.800	-916	66,3%
2	Hỗ trợ vận tải	1.511	4.000	2.489	264,7%
<b>IV</b>	<b>Chi phí năm trước chuyển sang</b>	<b>41.706</b>	<b>24.962</b>	<b>-16.744</b>	<b>59,9%</b>
<b>C</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>14.605</b>	<b>-282.500</b>		
<b>D</b>	<b>Chi phí chuyển sang năm sau (1/2 treo góc SCN năm 2020)</b>	<b>24.962</b>	<b>26.784</b>		

**PHỤ LỤC 02: CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CHUYỂN TIẾP SANG 2020**

*DVT: Triệu đồng*

STT	Tên hạng mục, công trình đầu tư	SL	ĐVT	Địa điểm đầu tư	Tổng mức đầu tư (chưa VAT)	Vốn Khấu hao TSCĐ			Vốn KH TSCĐ bổ sung 2020	Ghi chú/ tiến độ thực hiện
						Năm 2016	Năm 2018	Năm 2019		
<b>A</b>	<b>MÁY MÓC, THIẾT BỊ và PTVT</b>				1.300,00	0,00	0,00	1.300,00	0,00	
1	Xe ô tô 07 chỗ	1	xe	Công ty VTSG	1.300,00	0,00	0,00	1.300,00	0,00	Dự kiến thực hiện năm 2020
<b>B</b>	<b>ĐẦU TƯ MỚI &amp; NCCT TOA XE:</b>				0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	

**CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ MỚI NĂM 2020**

*DVT: Triệu đồng*

STT	Tên hạng mục, công trình đầu tư	SL	ĐVT	Quy mô và sự cần thiết đầu tư	Tổng mức đầu tư (chưa VAT)	Bố trí vốn KH TSCĐ 2020	Ghi chú/ tiến độ thực hiện
<b>A</b>	<b>MÁY MÓC, THIẾT BỊ và PTVT</b>				0,00	0,00	
1							
<b>B</b>	<b>ĐẦU TƯ MỚI &amp; NCCT TOA XE:</b>				24.000,00	12.000,00	
1	Đầu tư mới 08 toa xe HL năm 2020	8	xe	- Đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa nối theo tàu khách để tăng doanh thu vận tải; Dẫn thay thế xe HL cũ phải thanh lý; Mua mới/ đóng mới 08 toa xe HL tải trọng 20 tấn.	24.000,00	12.000,00	Dự kiến thực hiện năm 2020
<b>C</b>	<b>CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC</b>				0,00	0,00	
1							
	<b>TỔNG CỘNG</b>				24.000,00	12.000,00	



Số: 04/BC-VTSG-BKS  
V/v báo cáo của BKS tại ĐHĐCĐ 2020.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2020

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Kính gửi: **Đại Hội đồng Cổ đông thường niên 2020  
Công ty Cổ phần Vận Tải Đường Sắt Sài Gòn**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn và các quy định của pháp luật, chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát, kết quả các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2019 và kết quả kiểm toán năm 2019 của Công ty TNHH kiểm toán BDO.

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động trong năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 như sau:

**1. Cơ cấu thành viên Ban kiểm soát (BKS) gồm:**

Ông Vũ Đình Điệp – Trưởng ban (Chuyên trách);

Bà Nguyễn Thị Hồng Mai – Kế toán – Chuyên viên Văn phòng Công đoàn Công ty (kiêm nhiệm);

Bà Bùi Thị Hải Yến – Kế toán Đoàn tiếp viên ĐS Phương Nam (kiêm nhiệm).

**2. Kết quả hoạt động và giám sát của BKS.**

Sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, BKS đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên triển khai kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty với những nội dung sau:

Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Trưởng BKS đã tham dự họp tất cả các cuộc họp HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc ban hành trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo tính phù hợp của các quyết định trong việc xây dựng định hướng và chủ trương điều hành Công ty, tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương, nghị quyết của Đại hội cổ đông. Trong các cuộc họp, Trưởng BKS tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác SXKD, công tác đầu tư và một số công tác khác của Công ty.

Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty.

Nhìn chung, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty để BKS hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao; đối với cổ đông BKS không nhận được thông tin khiếu nại nào từ cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.



Trong năm 2019, BKS đã tổ chức 4 cuộc họp của BKS để triển khai các văn bản liên quan và đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác tài chính kế toán, quản trị và điều hành Công ty.

BKS đã phối hợp cùng Tổ kiểm soát giá thành Công ty VTSG, tiến hành kiểm tra công tác tài chính kế toán tại các Chi nhánh nhằm xem xét, đánh giá, góp ý và trao đổi trực tiếp với các phòng chức năng tại các đơn vị; phát huy những ưu điểm và khắc phục những tồn tại trong việc quản lý tài chính, vật tư, hạch toán kế toán và các tài liệu khác.

Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Ban điều hành.

Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính bán niên và năm 2019 của Công ty VTSG.

Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về thẩm quyền của BKS.

### **3. Đánh giá của BKS đối với HĐQT, Ban TGD và cổ đông:**

Báo cáo hoạt động của HĐQT, TGD đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động cũng như chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty, các văn bản, Nghị quyết của HĐQT phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, nêu rõ những khó khăn tác động trong năm, những kết quả, tiến bộ đạt được, đồng thời nêu rõ những vấn đề còn tồn tại trong năm 2019 và đề ra các giải pháp thực hiện trong năm 2020. BKS thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT, TGD trong năm 2019 về các mặt của Công ty.

HĐQT đã chấp hành, tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nghị quyết của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, chỉ đạo quyết liệt trong thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2019, thực hiện chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ của Công ty; chỉ đạo tốt công tác ứng phó bão lũ và sự cố tai nạn đường sắt; tổ chức chuyên tải hành khách, hàng hóa thuận tiện, hợp lý và hiệu quả; tổ chức lấy ý kiến thành viên HĐQT để quyết định kế hoạch đầu tư năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty; chỉ đạo hoàn thành xây dựng, sửa đổi các quy định, các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với hình thức công ty cổ phần và quy định của pháp luật. HĐQT đã chỉ đạo, triển khai chiến lược phát triển có tính hiệu quả và tinh thần trách nhiệm cao. Các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ cuộc họp định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất đầy đủ, tích cực tham gia ý kiến chỉ đạo Ban TGD điều hành triển khai các giải pháp lớn của Công ty.

Giám sát chặt chẽ và chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời Ban TGD trong hoạt động điều hành SXKD, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

Các nghị quyết của HĐQT được ban hành tuân thủ theo thẩm quyền của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

Ban TGD đã tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, quyết định của HĐQT; nỗ lực trong việc tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh, ứng phó kịp thời với những biến động của thị trường trong bối cảnh khó khăn của ngành Đường sắt, đặc



biệt trong thời gian giải quyết sự cố tai nạn, bão lũ, chỉ đạo tổ chức chuyển tải hành khách, hàng hóa thuận tiện, hợp lý và hiệu quả; phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, các nội quy Công ty trong điều hành SXKD. Chủ động thực hiện việc đẩy mạnh công tác thị trường một cách tích cực, tìm hiểu thị trường, chăm sóc khách hàng, đưa ra các quyết định kịp thời nhằm đáp ứng yêu cầu thị trường.

HDQT và Ban TGD đã chủ động, tích cực triển khai quyết liệt các giải pháp lớn như: tiếp tục thực hiện đầu tư đóng mới toa xe; giao KPIs cho các chi nhánh, cơ quan Công ty theo mục tiêu chiến lược, tạo nhịp độ khẩn trương thực hiện mục tiêu ngay từ đầu năm, áp dụng kết quả gắn với hệ thống lương khoán; đổi mới hoạt động tiếp thị, chăm sóc khách hàng, mở rộng các đại lý bán vé, tăng cường hoạt động truyền thông trên tàu và các điểm bán vé có các chương trình hiệu quả; trên tinh thần quyết liệt chỉ đạo tiết kiệm chi phí làm cơ sở để giao hạn mức chi phí, tối ưu chi phí cho tất cả các mảng công việc, đảm bảo đủ việc làm và thu nhập cho người lao động.

HDQT và Ban TGD đã thực hiện báo cáo, công bố thông tin đầy đủ theo quy định hiện hành của pháp luật.

#### **4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HDQT, Ban TGD điều hành và các cổ đông khác:**

- Quan hệ với HDQT:

HDQT cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

BKS kiến nghị và đề xuất với HDQT để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những vi phạm, sai sót trong hoạt động SXKD.

- Quan hệ với Ban TGD:

Ban TGD chỉ đạo các phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc Công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời các số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của BKS.

Căn cứ kết quả kiểm tra, kiểm soát, BKS kiến nghị đề xuất với Ban TGD Công ty để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những sai sót trong hoạt động SXKD.

Ban TGD bố trí các phương tiện, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động của BKS; cử cán bộ có đủ năng lực chuyên môn phù hợp với yêu cầu của BKS tham gia các đoàn kiểm tra, kiểm soát khi cần thiết.

- Quan hệ với các Chi nhánh, Phòng nghiệp vụ:

Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu của BKS, đoàn kiểm tra và ý kiến của Ban TGD.

Chịu trách nhiệm khắc phục các kiến nghị của BKS theo chỉ đạo của Ban TGD.

- Trong quá trình hoạt động, BKS có những báo cáo và kiến nghị bằng văn bản đều được sự phối hợp và hỗ trợ của HDQT, Ban TGD, các Phòng nghiệp vụ, Chi nhánh trực thuộc tạo điều kiện thuận lợi cho BKS hoàn thành nhiệm vụ được giao.

#### **5. Về kết quả giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD và tài chính của Công ty:**

BKS thống nhất với báo cáo đánh giá kết quả hoạt động năm 2019 của HDQT về các mặt: kinh doanh, công tác đầu tư phát triển, công tác quản lý công nợ và các mặt





công tác khác của Công ty, những vấn đề còn tồn tại và cần quan tâm chỉ đạo thực hiện trong năm 2020.

Năm 2019 Công ty tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn thách thức: sự cạnh tranh gay gắt của các loại hình vận tải khác; chất lượng phương tiện (đầu máy, toa xe) cũ kỹ lạc hậu; cơ sở hạ tầng, năng lực chạy tàu chưa được cải thiện, hiện tượng xóc lắc còn nhiều ảnh hưởng đến chất lượng phương tiện; thiếu vốn đầu tư; tỷ lệ tàu đi đến đúng giờ đạt thấp gây ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ...; các vụ tai nạn, sự cố giao thông đường sắt còn tiềm ẩn nguy cơ gây mất an toàn và ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty; ngoài ra phải giải quyết một loạt các chi phí tồn đọng của năm 2018 chuyển sang.

Tập thể Ban lãnh đạo và người lao động Công ty đã có nhiều cố gắng thực hiện các giải pháp đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, đưa ra các hình thức kinh doanh và nâng cao chất lượng dịch vụ như: liên kết với các công ty, hiệp hội du lịch; phát triển thêm các sản phẩm dịch vụ mới; đầu tư đóng mới 15 toa xe khách đợt 2 của dự án đầu tư mới 30 toa xe khách giai đoạn 2018-2020, hoàn thành dự án đầu tư mới 50 toa xe Mc, hệ thống giặt ủi công nghiệp và Trạm biến áp 250KVA, tập trung cho công tác an toàn toa xe – an toàn hành khách, nâng cao chất lượng phục vụ vận tải...; Tuy nhiên do sự cạnh tranh gay gắt của các loại hình vận tải khác làm các chỉ tiêu sản lượng doanh thu vận tải năm 2019 giảm so cùng kỳ (doanh thu vận tải đạt 1.790,1 tỷ đồng bằng 97,8% so với cùng kỳ). Mặc dù gặp khó khăn do doanh thu vận tải sụt giảm so với cùng kỳ, nhưng với sự quyết tâm cao của HĐQT, ban điều hành ngay từ đầu năm đã kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất, nhất là trong việc mua sắm vật tư, thiết bị, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ tự chế tạo một số sản phẩm,... triệt để tiết kiệm chi phí đã đưa chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 14.604.677.192 đồng.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty đã được phản ánh đầy đủ, rõ ràng, trung thực trong báo cáo tài chính năm 2019 được Công ty TNHH kiểm toán BDO kiểm toán.

Cụ thể:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	2.025.700.292.185
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:	2.025.691.555.185
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: âm	(5.487.970.436)
4. Lợi nhuận khác:	20.092.647.628
5. Lợi nhuận sau thuế TNDN:	14.604.677.192
6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu:	290,29

( Chi tiết tại Phụ lục số 1 )

### Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019

#### 5.1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN – TÀI SẢN NGẮN HẠN: 508.937.199.538

- Tiền và các khoản tương đương tiền:	239.681.645.309
- Các khoản phải thu ngắn hạn:	74.044.616.730
- Hàng tồn kho:	90.043.767.837
- Tài sản ngắn hạn khác:	105.167.169.662

#### 5.2. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN – TÀI SẢN DÀI HẠN: 1.229.002.097.613

- Các khoản phải thu dài hạn:	100.000.000
-------------------------------	-------------



- Tài sản cố định:	1.182.961.799.900
- Bất động sản đầu tư:	9.848.680.324
- Tài sản dở dang dài hạn:	3.270.305.723
- Tài sản dài hạn khác:	32.821.391.666
<b>Tổng cộng tài sản:</b>	<b>1.737.939.297.151</b>
<b>5.3. NỢ PHẢI TRẢ:</b>	<b>1.269.764.566.113</b>
- Ngắn hạn:	722.323.657.030
- Dài hạn:	547.440.909.083
<b>5.4. NGUỒN VỐN:</b>	<b>468.174.731.038</b>
- Vốn chủ sở hữu:	468.174.731.038

( Chi tiết tại Phụ lục số 3 )

**Một số chỉ tiêu phân tích tài chính:**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2019	Phân tích
<b>I</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,70	Không Tốt
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,43	Không tốt
<b>II</b>	<b>Cơ cấu vốn</b>			
1	Hệ số nợ / Tổng tài sản	Lần	0,73	73% TS của Cty hình thành từ nguồn vốn chiếm dụng (vốn vay, nợ phải trả), 30% TS hình thành từ vốn tự có
2	Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	Lần	2,71	Vốn chiếm dụng (vốn vay, nợ phải trả) = 2,71 lần VCSH)
<b>III</b>	<b>Năng lực hoạt động</b>			
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	20	Vòng quay HTK năm trước = 19
2	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,17	1Đ TS tạo ra bao nhiêu đồng DT
<b>IV</b>	<b>Khả năng sinh lời</b>			
1	Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	0,72%	LN chiếm 0,72% DT thuần (thấp)
2	Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	3,12%	LN chiếm 3,12% Vốn CSH (thấp)
3	Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	0,84%	LN chiếm 0,84% Tổng TS (thấp)

**Nhận xét đánh giá các chỉ tiêu tại ngày 31/12/2019:**



Tỷ lệ Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn là 0,7: Nợ ngắn hạn của Công ty chủ yếu là nợ phí ĐHGTVT của Công ty mẹ là Tổng công ty ĐSVN.

Tỷ lệ Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu 2,71 lần; Tỷ lệ này >1: Do các năm 2015-2019 Công ty thực hiện đầu tư mua mới 90 toa xe khách và 50 toa xe MC để đổi mới trang thiết bị vận tải, tăng tiện ích phục vụ khách hàng, đáp ứng nhu cầu vận chuyển của xã hội.

Ngoài ra hàng tồn kho là vật tư chủ yếu dùng cho sửa chữa toa xe > 90 tỷ đồng, chiếm dụng vốn kinh doanh rất lớn.

**6. Công tác đầu tư phát triển:** ( Tổng mức đầu tư chưa VAT / Thực hiện )

6.1. Máy móc, thiết bị: 3.085.000.000 / 2.606.280.000

6.2. Đầu tư mới, NCCT toa xe: 378.660.000.000 / 349.604.340.000

6.3. Công trình kiến trúc: 6.900.000.000 / 6.294.500.000

**Tổng cộng: 388.645.000.000 / 358.505.120.000**

( Chi tiết tại Phụ lục số 2 )

**7. Thẩm định báo cáo tài chính:**

Trên cơ sở các báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty lập đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán BDO là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết. BKS đã thẩm định và nhất trí báo cáo ĐHĐCĐ như sau:

- Báo cáo tài chính năm 2019 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đã được Công ty lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành;

- Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép, lưu trữ và phân loại các nội dung kinh tế theo đúng các quy định kế toán do Bộ Tài chính và pháp luật quy định;

- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp;

- Công tác báo cáo, công bố thông tin định kỳ và theo yêu cầu của UBCKNN; Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được thực hiện theo đúng nội dung quy định của một Công ty niêm yết.

**8. Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019:**

Năm 2019 Công ty đã chú trọng đến hiệu quả trong SXKD, đặc biệt là trong tổ chức chạy tàu và vận tải hàng hóa, thời gian quay vòng toa xe giảm. Công tác quản trị doanh nghiệp thực hiện tốt, rà soát, hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy, tổ chức sản xuất hợp lý, tinh gọn bộ máy, giảm lao động; đề ra các giải pháp, cơ bản kiểm soát tốt chi phí theo kế hoạch đã xây dựng và ban hành; triệt để tiết kiệm chi, so với năm 2018 chi phí vận tải tại Công ty giảm 133,8 tỷ đồng, trong đó giảm chi lương 30 tỷ đồng so với năm 2018, vì vậy mặc dù hụt thu so với cùng kỳ 120 tỷ đồng nhưng vẫn đảm bảo kinh doanh có lãi.

Thực hiện công văn số 1479/BTC-TCDN ngày 14/02/2020 của Bộ Tài chính cho phép Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn điều chỉnh thời gian trích khấu hao 50 toa xe chở container (mới) tối đa không quá 30 năm và 90 toa xe khách (mới) tối đa



không quá 25 năm, trong thời gian từ năm 2019 đến hết năm 2023. Công ty đã điều chỉnh lại mức trích khấu hao của một số toa xe đóng mới trong năm 2019.

Kết quả lợi nhuận trước thuế năm 2019 sau kiểm toán là: 14.604.677.192 đồng tăng 21,7% so với chỉ tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019 đề ra.

Lựa chọn độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2019. Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH kiểm toán BDO theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

Kết quả giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019, Công ty đã thực hiện nộp ngân sách đầy đủ, kịp thời và đã chi trả thù lao năm 2019 cho các thành viên HĐQT và BKS theo quy định cũng như định mức đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

### **9. Các hoạt động công tác khác:**

Các quy trình hoạt động của Công ty được đảm bảo và tuân thủ theo đúng pháp luật; các chế độ, quyền lợi của CBCNV được thực hiện theo đúng Bộ Luật Lao động, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cụ thể:

- Thực hiện ký kết hợp đồng lao động được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Luật Lao động.

- Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV.

- Thực hiện các chế độ, chính sách đầy đủ, đúng quy định cho người lao động như đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN, chi trả lương hàng tháng được kịp thời đúng quy định, ngoài ra các chế độ phúc lợi khác luôn được đảm bảo, duy trì, giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động nghỉ hưu, nghỉ việc, ốm đau, bệnh tật được thực hiện kịp thời, đầy đủ, chính xác nhằm đảm bảo mọi quyền lợi cho người lao động trong Công ty.

- Các tổ chức chính trị xã hội: công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên đã được Công ty quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để hoạt động theo đúng quy định của Nhà nước, Luật Doanh nghiệp.

### **10. Kế hoạch công tác năm 2020 của BKS:**

Tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Tập trung thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư của Công ty tại Cơ quan Công ty và các đơn vị trực thuộc.

Giám sát HĐQT, Ban TGD Công ty thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

Tiếp tục rà soát, kiến nghị những vấn đề bất cập trong các quy trình, quy chế, hoạt động kinh doanh của Công ty và giám sát việc tuân thủ thực hiện.

Phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ trong việc kiểm tra báo cáo tài chính. Giám sát việc thực hiện những nội dung đề nghị, góp ý của đơn vị kiểm toán độc lập.

Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS.

Thực hiện tốt công tác thẩm định các báo cáo tình hình kinh doanh và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT Công ty để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

### **11. Nhận xét, kiến nghị:**



Trong năm 2019, mặc dù Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong SXKD song nhờ định hướng đúng đắn, bản lĩnh kiên cường trong công tác quản lý, điều hành, cùng với sự nỗ lực của tập thể người lao động Công ty đã khắc phục khó khăn vượt qua mọi trở ngại hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên 2019 thông qua về doanh thu, lợi nhuận, cổ tức cho cổ đông, nộp nghĩa vụ ngân sách Nhà nước, ổn định và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, giữ vững sự ổn định trong mọi mặt hoạt động.

Đến nay, BKS không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT, Ban TGD, BKS, các Chi nhánh và cán bộ quản lý công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

### **Kiến nghị:**

Hoạt động SXKD của Công ty năm 2020 tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn, thách thức gay gắt, quyết liệt về thị trường vận tải hành khách, vận tải hàng hóa; các quy định, chính sách của Nhà nước ngày càng thắt chặt. Đặc biệt, dịch bệnh Covid 19 hiện đang bùng phát và diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường đã tác động trực tiếp rất lớn đến tình hình SXKD của Công ty trong những tháng đầu năm 2020 và dự báo sẽ còn tiếp tục kéo dài. Để giữ vững ổn định hoạt động SXKD, hoàn thành các chỉ tiêu năm 2020 được ĐHĐCĐ thường niên 2020 biểu quyết thông qua, nhằm hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành mọi hoạt động SXKD của Công ty, BKS đưa ra một số kiến nghị như sau:

- Không ngừng nâng cao công tác quản trị và điều hành, đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ điều hành để Công ty phát triển ổn định, đạt và vượt các chỉ tiêu kinh doanh, tài chính ĐHĐCĐ giao, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và cổ đông của Công ty.

- HĐQT chỉ đạo, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất, đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy trình, quy chế hiện có phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định hiện hành liên quan, văn bản nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu quả, thực hiện đúng Điều lệ Công ty và đúng pháp luật.

- Tập trung xây dựng bộ máy điều hành SXKD tinh gọn hiệu quả đáp ứng tốt công việc quản lý và điều hành sản xuất. Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản trị và điều hành SXKD vận tải. Chú trọng công tác truyền thông, thông tin cần thiết đối với khách hàng.

- Tăng vốn điều lệ tại thời điểm phù hợp đảm bảo đủ nguồn vốn đối ứng dự án và kế hoạch SXKD.

- Đề nghị HĐQT tiếp tục xây dựng kế hoạch trung dài hạn định hướng phát triển và cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động SXKD của Công ty.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của BKS theo đúng quy định trên nguyên tắc phòng ngừa hạn chế sai sót trong mọi hoạt động nhất là hoạt động tài chính.

- Thường xuyên phối hợp giữa chuyên môn và các tổ chức đoàn thể; duy trì sự đồng thuận cao thông qua việc tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và công tác xã hội.



Trên đây là những nội dung báo cáo thực hiện nhiệm vụ của BKS năm 2019. Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, BKS trân trọng báo cáo trình trước Đại hội, đề nghị ĐHĐCĐ thông qua và xác nhận báo cáo của BKS.

BKS xin chân thành cảm ơn các Cổ đông, HĐQT, Ban TGD, các Chi nhánh, các phòng nghiệp vụ và CBCNV Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Kính chúc Công ty ngày càng phát triển, ổn định, bền vững, chúc Quý vị cổ đông dồi dào sức khỏe, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng báo cáo Đại hội.

**T/M. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Vũ Đình Điệp**

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- HĐQT; Ban TGD Cty;
- Lưu: VT, BKS.

**Phụ lục số 1**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**  
**Năm 2019**

*Đơn vị tính: VND*

S T T	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01	VI.1	<b>2.025.700.292.185</b>	<b>2.077.558.810.878</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	8.737.000	14.578.000
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10		<b>2.025.691.555.185</b>	<b>2.077.544.232.878</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.834.625.664.524	1.952.605.149.789
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>191.065.890.661</b>	<b>124.939.083.089</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.945.725.341	252.308.229
7.	Chi phí tài chính	22	VI.5	49.026.038.165	32.184.144.251
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>49.026.038.165</i>	<i>32.094.144.251</i>
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.6	106.751.251.249	120.836.188.101
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	44.722.297.024	45.599.886.028
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>(5.487.970.436)</b>	<b>(73.428.827.062)</b>
11.	Thu nhập khác	31	VI.8	24.319.448.634	22.917.968.340
12.	Chi phí khác	32	VI.9	4.226.801.006	625.630.946
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	40		<b>20.092.647.628</b>	<b>22.292.337.394</b>
14.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>14.604.677.192</b>	<b>(51.136.489.668)</b>
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	-	-
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		<b>14.604.677.192</b>	<b>(51.136.489.668)</b>
18.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	VI.12	<b>290,29</b>	<b>(1.016,43)</b>

Người lập biểu

Bùi Thị Thúy Quỳnh

Kế toán trưởng

Kiều Văn Chung

Lập ngày 18 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc

Đào Anh Tuấn



**Phụ lục số 2**  
**CÔNG TÁC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 2018**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên hạng mục, công trình đầu tư	SL	ĐVT	Địa điểm đầu tư	Tổng mức đầu tư (chưa VAT)	Thực hiện	Ghi chú/ tiến độ thực hiện
<b>A</b>	<b>MÁY MÓC, THIẾT BỊ, PTVT</b>				<b>3.085,00</b>	<b>2.606,28</b>	
1	Máy tiện đứng chuyên dùng	1	hệ	XNTXSG	1.300,00	1.011,00	Hoàn thành T6/2019 và Quyết toán T8/2019
2	Lò hấp nướng đa năng	1	cái	XNTXSG	87,00	87,00	Quyết toán T3/2019
3	Xe ô tô 16 chỗ	1	xe	CN VTĐS ĐN	798,00	775,66	Hoàn thành và Q/toán Tháng 10/2019
4	Bộ thử tải tĩnh Giá chuyên hướng toa xe khách	1	hệ	XNTX Sài Gòn	300,00	232,62	Xong T6/2019; sử dụng Quỹ ĐTPT 2016-2017
5	Ky thủy lực ( 02 bộ)	1	hệ	XNTX Sài Gòn	600,00	500,00	Hoàn thành và Q/toán Tháng 3/2020
<b>B</b>	<b>ĐẦU TƯ MỚI &amp; NCCT TOA XE:</b>				<b>378.660,00</b>	<b>349.604,34</b>	
1	Thí điểm nâng cấp, cải tạo toa xe khách sử dụng vật liệu mới	3	xe	Công ty VTSG	13.660,00	13.204,43	Xong T6/2019; Sử dụng thêm Quỹ ĐTPT 2016-2017 là: 0,795 tỷ
2	Đầu tư mới 30 toa xe khách giai đoạn 2018- 2020	30	xe	Công ty VTSG	310.000,00	282.348,32	Hoàn thành nghiệm thu 15 TXX đợt 2 Tháng 7/2019; bố trí vốn đối ứng khấu hao 2020 còn thiếu là 37 tỷ
3	Đầu tư mới 50 toa xe Mc năm 2018	50	xe	Công ty VTSG	55.000,00	54.051,60	Hoàn thành nghiệm thu 50 toa xe Mc đưa vào sử dụng Tháng 10/2019; Bố trí BS vốn khấu hao 2020 còn thiếu 517 Triệu đồng
<b>C</b>	<b>CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC</b>				<b>6.900,00</b>	<b>6.294,50</b>	
1	Hệ thống giặt ủi CN	1	hệ	Đoàn TVĐS Pnam	6.300,00	5.721,64	Xong Tháng 01/2019, đã quyết toán tháng 6/2019
2	Trạm biến áp 250 KVA	1	hệ		600,00	572,86	
	<b>TỔNG CỘNG: A + B+ C</b>				<b>388.645,00</b>	<b>358.505,12</b>	

**Phụ lục số 3**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

S T T	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A -</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>508.937.199.538</b>	<b>338.670.913.168</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>239.681.645.309</b>	<b>149.651.430.593</b>
1.	Tiền	111		99.681.645.309	149.651.430.593
2.	Các khoản tương đương tiền	112		140.000.000.000	-
<b>II.</b>	<b>Đầu toj tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>74.044.616.730</b>	<b>58.488.239.096</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	29.681.994.571	23.197.603.519
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	11.235.359.191	23.384.629.895
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.1	33.834.534.368	11.906.005.682
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4.1	(707.271.400)	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>90.043.767.837</b>	<b>81.099.803.228</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.5	90.043.767.837	81.099.803.228
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>105.167.169.662</b>	<b>49.431.440.251</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6.1	26.123.888.822	38.804.461.023
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		76.332.316.279	7.371.255.681
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.2	2.710.964.561	3.255.723.547
<b>B -</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.229.002.097.613</b>	<b>1.083.145.768.310</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>100.000.000</b>	<b>204.000.000</b>
1.	Phải thu dài hạn khác	216	V.4.2	100.000.000	204.000.000
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.182.961.799.900</b>	<b>950.584.854.876</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.182.961.799.900	950.584.854.876
	Nguyên giá	222		2.641.101.302.704	2.311.964.932.189
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.458.139.502.804)	(1.361.380.077.313)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
	Nguyên giá	228		386.400.000	386.400.000
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(386.400.000)	(386.400.000)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu toj</b>	<b>230</b>	<b>V.9</b>	<b>9.848.600.324</b>	<b>12.077.840.253</b>
	Nguyên giá	231		60.325.409.063	60.325.409.063
	Giá trị hao mòn lũy kế	232		(50.476.808.739)	(48.247.568.810)
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.270.305.723</b>	<b>80.081.541.901</b>
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	3.270.305.723	80.081.541.901
<b>V.</b>	<b>Đầu toj tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>32.821.391.666</b>	<b>40.197.531.280</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6.2	32.821.391.666	40.197.531.280
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.737.939.297.151</b>	<b>1.421.816.681.478</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

S T T	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C -</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.269.764.566.113</b>	<b>968.246.627.632</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>722.323.657.030</b>	<b>566.222.322.625</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11.1	375.590.834.747	190.501.689.749
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	6.105.479.034	4.672.442.255
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.1	8.950.163.703	10.258.257.377
4.	Phải trả người lao động	314	V.14	41.126.654.108	40.027.223.999
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	96.732.252	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	193.585.137.000	190.370.816.000
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.1	18.207.949.273	25.243.813.245
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19.1	78.648.080.000	105.148.080.000
9.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.15	-	-
10.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.626.913	-
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>547.440.909.083</b>	<b>402.024.305.007</b>
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.11.2	46.690.158.221	62.253.544.297
2.	Phải trả dài hạn khác	337	V.17.2	2.496.791.450	1.719.291.450
3.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19.2	498.223.530.986	337.932.289.415
4.	Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18.1	30.428.426	119.179.845
<b>D -</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>468.174.731.038</b>	<b>453.570.053.846</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>468.174.731.038</b>	<b>453.570.053.846</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		503.100.000.000	503.100.000.000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		503.100.000.000	503.100.000.000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.606.543.514	1.606.543.514
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(36.531.812.476)	(51.136.489.668)
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(51.136.489.668)	-
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.604.677.192	(51.136.489.668)
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.737.939.297.151</b>	<b>1.421.816.681.478</b>

Lập ngày 18 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Bùi Thị Thúy Quỳnh

Kiều Văn Chung

Đào Anh Tuấn

**TỜ TRÌNH CỦA BAN KIỂM SOÁT  
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán của  
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn năm 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vận tải Đường sắt Sài Gòn

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần vận tải Đường sắt Sài Gòn sửa đổi bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2017;

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn kính trình Đại hội phê duyệt danh sách công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 như sau:

**1. Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập**

Ban kiểm soát xin đề xuất tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

- Chọn một đơn vị kiểm toán được phép hoạt động tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết. Được Bộ Tài chính chấp thuận được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng trong lĩnh vực chứng khoán năm 2020 của Bộ Tài Chính.

- Là một trong những công ty kiểm toán có uy tín về chất lượng kiểm toán; có nhiều kinh nghiệm kiểm toán các BCTC trong lĩnh vực vận tải theo các quy định của các chuẩn mực kế toán, hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) nói chung và đối với Ngành Đường sắt nói riêng.

- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm; đáp ứng được yêu cầu của Công ty VTSG về phạm vi và tiến độ kiểm toán và có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán trên cơ sở xem xét các văn bản chào phí kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

**2. Danh sách công ty kiểm toán**

Trên cơ sở các tiêu thức lựa chọn trên, Ban Kiểm soát xin đề xuất danh sách các đơn vị kiểm toán sau đây để lựa chọn làm đơn vị kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính của Công ty năm 2020 như sau:

1) Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)

Địa chỉ: 33 Phan Văn Khoẻ, phường 13, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

2) Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam





Địa chỉ: Tầng 2, Indochina Park Tower, số 4 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3) Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại TP HCM

Địa chỉ: 104-106 Trần Lưu, phường An Phú, quận 2, TP Hồ Chí Minh

### **3. Đề xuất ĐHĐCĐ thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán**

Với các đề xuất nêu trên, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

Các tiêu thức nêu tại mục 1 Tờ trình và danh sách đơn vị kiểm toán độc lập nêu tại mục 2 Tờ trình để làm căn cứ lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét các BCTC trong năm 2020 của Công ty.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc chọn một trong ba công ty kiểm toán độc lập theo đề xuất của Ban kiểm soát tại Tờ trình này và giao cho Tổng giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán độc lập được chọn để thực hiện kiểm toán và soát xét các BCTC năm 2020 của Công ty.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, biểu quyết thông qua!

Xin trân trọng cảm ơn!

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu VT, BKS.

**T/M. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Vũ Đình Điệp**



Số: 01 /TTr-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2020

**TỜ TRÌNH**  
**V/v xin ý kiến biểu quyết**  
**tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020**

Kính gửi: Quý vị cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;  
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn;  
Căn cứ các tài liệu đã trình Đại hội đồng cổ đông,

Hội đồng quản trị đề xuất và đệ trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua các nội dung sau đây:

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị;
2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát;
3. Báo cáo tài chính năm 2019 kiểm toán;
4. Kế hoạch kinh doanh năm 2020;
5. Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020;
6. Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020;
7. Tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và Kế hoạch năm 2020;
8. Lựa chọn đơn vị kiểm toán để soát xét, kiểm toán các BCTC năm 2020;
9. Chủ trương hợp nhất 02 Công ty cổ phần Vận tải đường sắt: Hà Nội và Sài Gòn; xây dựng Phương án hợp nhất 02 Công ty khi Đề án Cơ cấu lại Tổng công ty ĐSVN được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

*(Kèm theo các nội dung chi tiết)*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua các nội dung nêu trên và ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động triển khai cụ thể các nội dung đã được thông qua.

Trân trọng kính trình./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký Cty.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Nhân**



**CÁC NỘI DUNG XIN Ý KIẾN BIỂU QUYẾT**

(Kèm theo Tờ trình số 01/TTr-HĐQT ngày 15 tháng 5 năm 2020

V/v xin ý kiến biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020)

**Nội dung 1.** Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị  
(Báo cáo kèm theo)

**Nội dung 2.** Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát  
(Báo cáo kèm theo)

**Nội dung 3.** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO. (Báo cáo kèm theo)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp d/vụ	01	2.025.700.292.185	2.077.558.810.878
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	8.737.000	14.578.000
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	2.025.691.555.185	2.077.544.232.878
4	Giá vốn hàng bán	11	1.834.625.664.524	1.952.605.149.789
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	20	191.065.890.661	124.939.083.089
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.945.725.341	252.308.229
7	Chi phí tài chính	22	49.026.038.165	32.184.144.251
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	<i>49.026.038.165</i>	<i>32.094.144.251</i>
8	Chi phí bán hàng	25	106.751.251.249	120.836.188.101
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	44.722.297.024	45.599.886.028
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	30	(5.487.970.436)	(73.428.827.062)
11	Thu nhập khác	31	24.319.448.634	22.917.968.340
12	Chi phí khác	32	4.226.801.006	625.630.946
13	Lợi nhuận khác	40	20.092.647.628	22.292.337.394
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	14.604.677.192	(51.136.489.668)
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	-
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	14.604.677.192	(51.136.489.668)
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	290,29	(1.016,43)
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>508.937.199.538</b>	<b>338.670.913.168</b>
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	239.681.645.309	149.651.430.593
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	74.044.616.730	58.488.239.096
IV	Hàng tồn kho	140	90.043.767.837	81.099.803.228
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	105.167.169.662	49.431.440.251
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.229.002.097.613</b>	<b>1.083.145.768.310</b>
I	Các khoản phải thu dài hạn	210	100.000.000	204.000.000
II	Tài sản cố định	220	1.182.961.799.900	950.584.854.876
III	Bất động sản đầu tư	230	9.848.600.324	12.077.840.253
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	3.270.305.723	80.081.541.901
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	260	32.821.391.666	40.197.531.280
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>1.737.939.297.151</b>	<b>1.421.816.681.478</b>

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>1.269.764.566.113</b>	<b>968.246.627.632</b>
I	Nợ ngắn hạn	310	722.323.657.030	566.222.322.625
II	Nợ dài hạn	330	547.440.909.083	402.024.305.007
<b>D</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>468.174.731.038</b>	<b>453.570.053.846</b>
I	Vốn chủ sở hữu	410	468.174.731.038	453.570.053.846
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>1.737.939.297.151</b>	<b>1.421.816.681.478</b>

### **Nội dung 4.** Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2020

Căn cứ kết quả SXKD năm 2019, với thực lực hiện có và đánh giá các yếu tố thuận lợi, khó khăn trong năm 2020, Công ty VTSG xây dựng một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD chủ yếu năm 2020 như sau:

- **Sản lượng:** Tấn.km tính đổi bằng 70,3% so với thực hiện năm 2019.
- **Tổng doanh thu:** 1.276,220 tỷ (bằng 62,1% so với năm 2019), trong đó:
  - Doanh thu vận tải: 1.116,500 tỷ đồng (bằng 62,1% so với năm 2019);
  - Doanh thu từ các dịch vụ khác: 159,720 tỷ đồng
- **Lợi nhuận sau thuế:** (- 282,5 tỷ đồng).

### **Nội dung 5.** Thông qua kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020



Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020 và ủy quyền cho HĐQT triển khai theo đúng qui định của pháp luật và Điều lệ công ty như sau:

Nguồn vốn khấu hao TSCĐ năm 2020 chủ yếu bổ sung vốn cho các dự án hoàn thành thiếu vốn vay, dự án đầu tư phát triển năm 2019 thiếu vốn đối ứng, trả nợ gốc vay các dự án. Do vậy, không còn nhiều nguồn kinh phí đầu tư mới cho năm 2020, chỉ còn lại khoảng 12,5 tỷ dùng để bố trí 50% vốn cho dự án “đầu tư mới 08 toa xe HL năm 2020” với tổng mức đầu tư dự kiến 24 tỷ đồng.

- Tạm dừng triển khai dự án đầu tư xe ô tô 7 chỗ năm 2019 chuyển sang; tiếp tục thực hiện các thủ tục tiếp theo cho các dự án có sử dụng đất.

*(Chi tiết theo Kế hoạch đầu tư năm 2020 kèm theo)*

### **Nội dung 6.** Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020

Căn cứ theo Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, lợi nhuận sản xuất kinh doanh lỗ 282.500.000.000 đồng. Và số lỗ năm 2018 còn lại chuyển qua là 36.531.812.476 đồng. Do đó Công ty không có kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020.

**Nội dung 7.** Thông qua tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và Kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2020

#### **1. Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019 của HĐQT và BKS:**

TT	Chức danh	Số người	Số tháng	Mức lương, thù lao thực hiện năm 2019	Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2019
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>				<b>1.183.992.000</b>
	Thành viên (Đại diện phần vốn)	2	12	26.500.000	636.000.000
	Thành viên (không đại diện phần vốn)	2	12	22.833.000	547.992.000
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>				<b>331.596.000</b>
	Trưởng ban kiểm soát	1	12	22.833.000	273.996.000
	Kiểm soát viên (*)	2	12	2.400.000	57.600.000
	<b>Tổng cộng (I+II)</b>				<b>1.515.588.000</b>

*(\*): Kiểm soát viên không chuyên trách*

#### **2. Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2020 của HĐQT và BKS**

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2020 của HĐQT và BKS như sau:

TT	Chức danh	Số người	Số tháng	Mức lương, thù lao KH 2020	Quỹ tiền lương, thù lao KH 2020
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>				<b>960.000.000</b>
	Thành viên (Đại diện phần vốn)	2	12	21.500.000	516.000.000
	Thành viên (không đại diện phần vốn)	2	12	18.500.000	444.000.000
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>				<b>270.000.000</b>
	Trưởng ban kiểm soát	1	12	18.500.000	222.000.000
	Kiểm soát viên (*)	2	12	2.000.000	48.000.000
	<b>Tổng cộng (I+II)</b>				<b>1.230.000.000</b>

(\*): Kiểm soát viên không chuyên trách

**Nội dung 8:** Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện soát xét, kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2020 (Tờ trình của BKS kèm theo)

Ban Kiểm soát đề xuất danh sách tổ chức kiểm toán độc lập sau đây (03 đơn vị) và đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán trong danh sách này để kiểm toán và soát xét các BCTC năm 2020:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)

Địa chỉ: 33 Phan Văn Khoẻ, phường 13, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Địa chỉ: Tầng 2, Indochina Park Tower, số 4 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, Tp.HCM.

3. Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại TP HCM

Địa chỉ: 104-106 Trần Lựu, phường An Phú, quận 2, TP Hồ Chí Minh

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập trong danh sách các doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán năm 2020 của Bộ Tài chính theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật hiện hành.

**Nội dung 9:**

Thông qua chủ trương tái cơ cấu khối vận tải theo hướng sáp nhập, chia tách 02 Công ty cổ phần Vận tải đường sắt: Hà Nội, Sài Gòn và thực hiện chuyên môn hóa theo hướng 01 Công ty thực hiện kinh doanh vận tải hàng hóa và 01 Công ty thực hiện kinh doanh vận tải hành khách. Giao cho HĐQT Công ty xem xét, đóng góp vào các phương án của Đề án tái cơ cấu và triển khai thực hiện sau khi đưa các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua các nội dung trên và ủy quyền cho HĐQT Công ty chủ động triển khai cụ thể các nội dung đã được thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Nhân



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI  
ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán cho  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019



12  
G  
PH  
U  
C  
H

## MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 39
PHỤ LỤC 01	40



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn (dưới đây được gọi là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán.

### THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn tiền thân là Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Sài Gòn hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 315607 ngày 22/07/2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4116000589 thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 03 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Sài Gòn chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn do Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ theo Quyết định số 1973/QĐ-ĐS ngày 17/12/2014 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301120371 ngày 01/02/2016. Trong quá trình hoạt động các thay đổi về ngành nghề kinh doanh, người đại diện theo pháp luật của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi đến lần thứ 07 ngày 10/08/2017.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức;
- Sửa chữa các phương tiện vận tải đường sắt;
- Chế tạo, sửa chữa các thiết bị phụ tùng chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ khí;
- Sản xuất và kinh doanh hàng tiêu dùng, thực phẩm;
- Kinh doanh khách sạn, du lịch.

Công ty có trụ sở tại số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- |                       |               |                            |
|-----------------------|---------------|----------------------------|
| - Ông Nguyễn Đức Nhân | Chủ tịch HĐQT |                            |
| - Ông Đào Anh Tuấn    | Ủy viên       |                            |
| - Ông Đỗ Đình Dược    | Ủy viên       |                            |
| - Ông Nguyễn Hồng Hải | Ủy viên       | Miễn nhiệm ngày 16/04/2019 |
| - Ông Thái Văn Truyền | Ủy viên       | Bổ nhiệm ngày 16/04/2019   |

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- |                      |                   |
|----------------------|-------------------|
| - Ông Đào Anh Tuấn   | Tổng Giám đốc     |
| - Ông Đỗ Đình Dược   | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Lê Quốc Trung  | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Mai Thế Mạnh   | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Kiều Văn Chung | Kế toán trưởng    |

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Đào Anh Tuấn - Chức danh: Tổng Giám đốc.

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- |                          |                      |
|--------------------------|----------------------|
| - Ông Vũ Đình Diệp       | Trưởng Ban Kiểm soát |
| - Bà Nguyễn Thị Hồng Mai | Thành viên           |
| - Bà Bùi Thị Hải Yến     | Thành viên           |

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp và đảm bảo Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

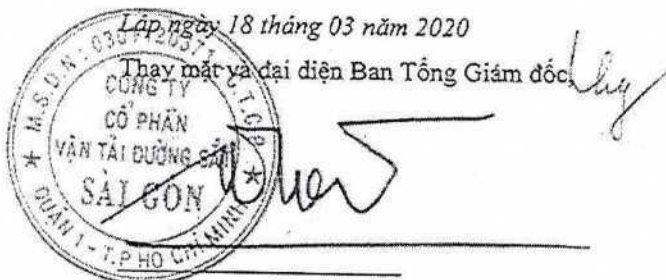
Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.



Tổng Giám đốc  
Đào Anh Tuấn





Tel: +84 (0)24 37833911/12/13  
Fax: +84 (0)24 37833914  
www.bdovietnam.vn

20<sup>th</sup> Floor, Icon 4 Tower  
243A De La Thanh St  
Dong Da District, Hanoi,  
Vietnam

Số: 69 /2020/BCKT-BDO

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Kính gửi: CỎ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn, được lập ngày 18 tháng 03 năm 2020 từ trang 6 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.




**Vấn đề khác**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt, báo cáo kiểm toán số 84/2019/BCKT - AASCN phát hành ngày 20/03/2019 ở dạng ý kiến kiểm toán ngoại trừ, tuy nhiên toàn bộ chỉ tiêu đang ngoại trừ trên báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn điều chỉnh hồi tố, chi tiết theo thuyết minh số VIII.4 - thông tin so sánh.



**Bùi Văn Vương - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 0780-2018-038-1



---

**Phạm Thị Tú - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 2581-2013-038-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>508.937.199.538</b>	<b>338.670.913.168</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	239.681.645.309	149.651.430.593
1. Tiền	111		99.681.645.309	149.651.430.593
2. Các khoản tương đương tiền	112		140.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.044.616.730	58.488.239.096
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	29.681.994.571	23.197.603.519
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	11.235.359.191	23.384.629.895
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.1	33.834.534.368	11.906.005.682
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4.1	(707.271.400)	-
IV. Hàng tồn kho	140		90.043.767.837	81.099.803.228
1. Hàng tồn kho	141	V.5	90.043.767.837	81.099.803.228
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		105.167.169.662	49.431.440.251
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6.1	26.123.888.822	38.804.461.023
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		76.332.316.279	7.371.255.681
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.2	2.710.964.561	3.255.723.547
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.229.002.097.613</b>	<b>1.083.145.768.310</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		100.000.000	204.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4.2	100.000.000	204.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.182.961.799.900	950.584.854.876
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.182.961.799.900	950.584.854.876
<i>Nguyên giá</i>	222		2.641.101.302.704	2.311.964.932.189
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.458.139.502.804)	(1.361.380.077.313)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		386.400.000	386.400.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(386.400.000)	(386.400.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.9	9.848.600.324	12.077.840.253
<i>Nguyên giá</i>	231		60.325.409.063	60.325.409.063
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(50.476.808.739)	(48.247.568.810)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.270.305.723	80.081.541.901
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	3.270.305.723	80.081.541.901
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		32.821.391.666	40.197.531.280
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6.2	32.821.391.666	40.197.531.280
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.737.939.297.151</b>	<b>1.421.816.681.478</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.269.764.566.113</b>	<b>968.246.627.632</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>722.323.657.030</b>	<b>566.222.322.625</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11.1	375.590.834.747	190.501.689.749
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	6.105.479.034	4.672.442.255
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.1	8.950.163.703	10.258.257.377
4. Phải trả người lao động	314	V.14	41.126.654.108	40.027.223.999
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	96.732.252	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	193.585.137.000	190.370.816.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.1	18.207.949.273	25.243.813.245
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19.1	78.648.080.000	105.148.080.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.15	-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.626.913	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>547.440.909.083</b>	<b>402.024.305.007</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11.2	46.690.158.221	62.253.544.297
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.17.2	2.496.791.450	1.719.291.450
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19.2	498.223.530.986	337.932.289.415
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18.1	30.428.426	119.179.845
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>468.174.731.038</b>	<b>453.570.053.846</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>468.174.731.038</b>	<b>453.570.053.846</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		503.100.000.000	503.100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		503.100.000.000	503.100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.606.543.514	1.606.543.514
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(36.531.812.476)	(51.136.489.668)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(51.136.489.668)	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.604.677.192	(51.136.489.668)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.737.939.297.151</b>	<b>1.421.816.681.478</b>

Lập ngày 18 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

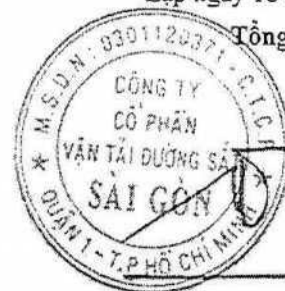
Tổng Giám đốc



Bùi Thị Thúy Quỳnh



Kiều Văn Chung



Đào Anh Tuấn



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.025.700.292.185	2.077.558.810.878
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	8.737.000	14.578.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.025.691.555.185	2.077.544.232.878
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.834.625.664.524	1.952.605.149.789
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		191.065.890.661	124.939.083.089
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.945.725.341	252.308.229
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	49.026.038.165	32.184.144.251
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>49.026.038.165</i>	<i>32.094.144.251</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	106.751.251.249	120.836.188.101
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	44.722.297.024	45.599.886.028
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.487.970.436)	(73.428.827.062)
11. Thu nhập khác	31	VI.8	24.319.448.634	22.917.968.340
12. Chi phí khác	32	VI.9	4.226.801.006	625.630.946
13. Lợi nhuận khác	40		20.092.647.628	22.292.337.394
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.604.677.192	(51.136.489.668)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>14.604.677.192</u>	<u>(51.136.489.668)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	<u>290,29</u>	<u>(1.016,43)</u>

Người lập biểu

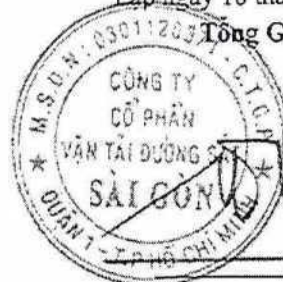
Bùi Thị Thúy Quỳnh

Kế toán trưởng

Kiều Văn Chung

Lập ngày 18 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Đào Anh Tuấn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.604.677.192	(51.136.489.668)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		127.911.175.951	136.974.557.997
- Các khoản dự phòng	03		618.519.981	(278.556.436)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.466.174.881)	(3.479.864.126)
- Chi phí lãi vay	06		49.026.038.165	32.094.144.251
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		186.694.236.408	114.173.792.018
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(70.546.244.396)	90.756.162.828
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.943.964.609)	11.024.510.981
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		157.106.031.673	(162.767.619.490)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		20.056.711.815	(22.166.888.132)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(49.026.038.165)	(32.094.144.251)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(2.815.671.028)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.017.694.044	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.005.067.131)	(1.872.405.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		235.353.359.639	(5.762.262.174)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(284.977.355.173)	(247.790.904.388)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.025.079.152	7.041.977.295
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.945.725.341	252.308.229
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(278.006.550.680)	(240.496.618.864)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	342.718.481.571	365.411.564.993
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(208.927.240.000)	(61.803.760.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.107.835.814)	(6.122.360.476)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		132.683.405.757	297.485.444.517
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		90.030.214.716	51.226.563.479
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	149.651.430.593	98.424.867.114
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	239.681.645.309	149.651.430.593

Người lập biểu



Bùi Thị Thúy Quỳnh

Kế toán trưởng



Kiều Văn Chung

Lập ngày 18 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Đào Anh Tuấn



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn tiền thân là Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Sài Gòn hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 315607 ngày 22/07/2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4116000589 thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 03 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Sài Gòn chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn do Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ theo Quyết định số 1973/QĐ-ĐS ngày 17/12/2014 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301120371 ngày 01/02/2016. Trong quá trình hoạt động các thay đổi về ngành nghề kinh doanh, người đại diện theo pháp luật của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi đến lần thứ 07 ngày 10/08/2017.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

- Sản xuất công nghiệp;
- Dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính bao gồm:

- Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức;
- Sửa chữa các phương tiện vận tải đường sắt;
- Chế tạo, sửa chữa các thiết bị phụ tùng chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ khí;
- Sản xuất và kinh doanh hàng tiêu dùng, thực phẩm;
- Kinh doanh khách sạn, du lịch.

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2019, công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
- Chi nhánh Vận tải Đường sắt Miền Bắc - Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	Số 124 đường Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
- Chi nhánh Vận tải Đường sắt Đà Nẵng - Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	Số 200A đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Xi nghiệp Toa xe Đà Nẵng	Số 236 đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
- Chi nhánh Vận tải Đường sắt Nha Trang - Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	Số 17 đường Thái Nguyên, phường Phước Tân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Chi nhánh Vận tải Đường sắt Bình Thuận - Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	Số 01 Lê Duẩn, xã Phong Nẫm, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
- Chi nhánh Vận tải Đường sắt Sóng Thần - Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	Ga Sóng Thần, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
- Chi nhánh Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	Số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Đoàn tiếp viên đường sắt Phương Nam	Số 01A Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Xi nghiệp Toa xe Sài Gòn	Số 540/45 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường 11, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

**6. Nhân viên**

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 2.257 người (Tại ngày 31/12/2018 là 2.355 người).

**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt, báo cáo kiểm toán số 84/2019/BCKT - AASCN phát hành ngày 20/03/2019 ở dạng ý kiến kiểm toán ngoại trừ, tuy nhiên toàn bộ chỉ tiêu đang ngoại trừ trên báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn điều chỉnh hồi tố, chi tiết theo thuyết minh số VIII.4 - thông tin so sánh.

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. Kỳ kế toán năm: Theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT - BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 200/2014/TT-BTC. Thông tư số 202/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 “Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất”.

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)****IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

**2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.
- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về các khoản chi hộ bên thứ ba, được quyền nhận lại, tài sản thiếu chờ xử lý...).

**Theo dõi khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi**

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.
- Các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên (thời gian quá hạn được xác định căn cứ vào hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) được trích lập dự phòng theo tỷ lệ như sau:

<b>Thời gian quá hạn</b>	<b>Tỷ lệ trích lập dự phòng</b>
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02 - “Hàng tồn kho”, cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Kế khai thường xuyên.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)**Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ:**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến dịch vụ chưa hoàn thành trong năm.

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, tại ngày 31/12/2019, Công ty không có hàng tồn kho bị giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời..., nên không cần trích lập dự phòng.

**4. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định****Nguyên tắc kế toán tài sản cố định hữu hình, vô hình****Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)**

TSCĐ HH được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 08 năm
Máy móc thiết bị	03 năm
Phương tiện vận tải	05 - 30 năm
Thiết bị quản lý	03 - 04 năm

**Tài sản cố định vô hình (TSCĐ VH)**

TSCĐ VH được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

**Chương trình phần mềm**

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

**Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ**

Các quy định về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ được thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và Thông tư 147/2016/TT - BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT - BTC, Thông tư 28/2017/TT - BTC sửa đổi bổ sung một số điều cho 02 thông tư trên.

**Nguyên tắc kế toán bất động sản đầu tư (BĐSDT)**

BĐSDT là nhà cửa nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

BĐSDT được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá BĐSĐT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành BĐSĐT đó.

Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá BĐSĐT.

BĐSDT được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

Nhóm BĐSĐT

Nhà

Số năm

05 - 18 năm

Công ty không trích khấu hao đối với BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty thực hiện đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Việc chuyển từ BĐS chủ sở hữu sử dụng thành BĐSĐT hoặc từ BĐSĐT sang BĐS chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Việc chuyển đổi như vậy không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của BĐS trong việc xác định giá trị hay để lập Báo cáo tài chính.

### 5. Nguyên tắc kế toán thuế

#### a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%). Năm 2018 công ty đang lỗ 51.136.489.668 đồng và công ty sẽ được chuyển khoản lỗ này trong 05 năm.

#### b) Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm phí sửa chữa nhỏ, công cụ dụng cụ xuất dùng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định, chi phí bảo hiểm và một số chi phí tương ứng với doanh thu ghi nhận trước. Chi phí sửa chữa nhỏ được phân bổ một phần hai tổng chi phí phát sinh trong năm và phần còn lại vào năm tài chính tiếp theo, công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ dần vào chi phí dưới 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị còn lại của nhà xưởng chi phí sửa chữa lớn toa xe hàng, xe khách. Chi phí nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo thời gian cho thuê, chi phí sửa chữa lớn được phân bổ làm ba phần và mỗi năm vào chi phí một phần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

**7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về cổ tức và lợi nhuận phải trả, phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...)

**Theo dõi các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

**8. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay****Ghi nhận chi phí đi vay**

Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay và chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn...).

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay").

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng. Tại ngày 31/12/2019, chi phí phải trả là chi phí cho hoạt động vận tải được trích trước căn cứ vào hợp đồng đã ký kết trong năm.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; có sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận thoả mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

### *Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả*

Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

### *Căn cứ trích lập dự phòng phải trả*

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi Công ty nhận được tiền khách hàng trả trước liên quan đến dịch vụ vận chuyển hàng hóa, hành khách bằng đường sắt chưa được thực hiện tại thời điểm lập báo cáo.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ và ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ, căn cứ vào thời điểm hoàn thành dịch vụ vận chuyển hàng hóa, hành khách.

### 13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

#### *a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, vốn khác của chủ sở hữu*

*Vốn góp của chủ sở hữu:* Phản ánh số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### *b) Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển*

Theo quy định tại Điều lệ Công ty được ban hành việc trích quỹ đầu tư phát triển do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

#### *c) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư).

### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách, hàng hóa, cho thuê được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Doanh thu dịch vụ vận chuyển hành khách, hàng hóa, cho thuê được căn cứ vào việc hoàn thành và đơn giá vận chuyển được quy định trong trên giá vé và hợp đồng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### 15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: vé tàu giảm giá và vé tàu bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ cung cấp dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh khoản giảm trừ doanh thu, và sự kiện này phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 23 “Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm”.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính của kỳ sau mới phát sinh khoản giảm trừ doanh thu: Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

**17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là khoản chi phí đi vay được tính căn cứ vào số ngày thực tế vay nhân với lãi suất theo quy định thực tế trên hợp đồng vay.

Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ.

**18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Chi phí bán hàng:** Là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; tiền thuê kho bãi, chi phí vận chuyển, cân hàng, bốc xúc và các chi phí khác liên quan đến hoạt động bán hàng.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ.

**Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành** (xem Thuyết minh IV.5)**20. Thông tin theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Việc ra các quyết định dựa trên các sản phẩm mà công ty cung cấp mà không phụ thuộc vào khu vực địa lý. Do đó, Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty được xác định là chính yếu và được chia theo các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Dịch vụ vận tải bao gồm dịch vụ vận tải hành khách và vận tải hàng hóa bằng đường sắt;
- Dịch vụ khác bao gồm các dịch vụ hỗ trợ các vận tải đường sắt.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm; dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là thứ yếu và được chia theo các khu vực địa lý như sau:

- Khu vực miền Trung
- Khu vực miền Nam

Báo cáo bộ phận được trình bày ở Thuyết minh số VIII.3.

### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VIII.2.

### 22. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

#### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm: chi phí mua lò xo cao su Tháp Chàm, chi phí công trình xây kho An Bình, các công trình khác. Các chi phí này được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	8.179.434.039	9.619.248.824
Tiền gửi ngân hàng	90.250.253.048	138.839.887.069
Tiền đang chuyển	1.251.958.222	1.192.294.700
Cộng	99.681.645.309	149.651.430.593
Các khoản tương đương tiền	140.000.000.000	-
<b>Cộng tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>239.681.645.309</b>	<b>149.651.430.593</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng tại các ngân hàng, với mức lãi suất 5%/năm.

### 2. Phải thu khách hàng

#### 2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội	1.682.630.600	2.067.460.100
Công ty cổ phần Xi măng Công Thanh	7.714.508.728	3.429.282.000
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Nam Nhi	1.226.346.000	885.318.600
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ez life	328.550.991	2.227.796.073
Công ty cổ phần Minh Phương Logistics	22.840.300	2.129.525.000
Công ty cổ phần đường sắt Đông Dương	2.724.859.808	-
Các khách hàng còn lại	15.982.258.144	12.458.221.746
<b>Cộng</b>	<b>29.681.994.571</b>	<b>23.197.603.519</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)****2.2 Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

Xem thuyết minh VIII.2

**3. Trả trước cho người bán****3.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần Đầu tư Công trình Hà Nội	1.717.050.000	1.717.050.000
Công ty cổ phần Xe lửa Gia Lâm	-	12.871.486.224
Công ty cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt (RATRACO)	5.830.480.300	4.378.063.800
Công ty TNHH TM và TV kiến trúc Mỹ Thuật Nam Việt	1.301.532.343	20.350.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ GTVT Thịnh Phát	1.558.167.160	-
Các khách hàng còn lại	828.129.388	4.397.679.871
<b>Cộng</b>	<b>11.235.359.191</b>	<b>23.384.629.895</b>

**3.2 Trả trước cho người bán là bên liên quan**

Xem thuyết minh VIII.2

**4.1. Phải thu khác****4.1 Phải thu khác ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	248.000.000	-	33.600.000	-
Tạm ứng	2.908.540.509	-	2.692.164.962	-
Công ty TNHH Thảo Oanh	1.813.448.471	-	1.813.448.471	-
Công ty cổ phần Đường sắt Phía Nam	925.793.148	-	925.793.148	-
Công ty CP vận tải Đường sắt Hà Nội	12.628.490.674	-	-	-
Phải thu khác	15.310.261.566	707.271.400	6.440.999.101	-
<b>Cộng</b>	<b>33.834.534.368</b>	<b>707.271.400</b>	<b>11.906.005.682</b>	<b>-</b>

**4.2 Phải thu khác dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	204.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>204.000.000</b>	<b>-</b>

**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	85.781.261.964	-	77.796.293.782	-
Công cụ, dụng cụ	292.354.167	-	417.479.152	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.772.398.985	-	2.886.030.294	-
Hàng hóa	197.752.721	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>90.043.767.837</b>	<b>-</b>	<b>81.099.803.228</b>	<b>-</b>

(i) Hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2019: 0 đồng.

(ii) Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả: 0 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

**6. Chi phí trả trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
- Chi phí sửa chữa nhỏ toa xe khách, xe hàng	24.962.129.598	37.683.932.919
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	45.202.016	660.813.850
- Chi phí thuê đất	-	-
- Các khoản khác	527.272.677	459.714.254
<b>Cộng</b>	<u><u>26.123.888.822</u></u>	<u><u>38.804.461.023</u></u>
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>6.2 Chi phí trả trước dài hạn</b>		
- Chi phí sửa chữa lớn	29.158.068.459	36.032.374.334
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	244.214.913	277.951.438
- Chi phí thuê đất	1.833.800.239	1.773.461.435
- Các khoản khác	1.585.308.055	2.113.744.073
<b>Cộng</b>	<u><u>32.821.391.666</u></u>	<u><u>40.197.531.280</u></u>

37  
Y  
N  
G  
N  
CH

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính tổng hợp  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	26.972.886.020	121.750.673.021	2.156.258.430.177	6.982.942.971	2.311.964.932.189
Mua trong năm	-	1.330.620.843	351.938.388.390	-	353.269.009.233
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	5.721.641.424	572.860.001	-	6.294.501.425
Tặng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán, xóa bỏ	-	-	(29.888.866.554)	(538.273.589)	(30.427.140.143)
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>26.972.886.020</b>	<b>128.802.935.288</b>	<b>2.478.880.812.014</b>	<b>6.444.669.382</b>	<b>2.641.101.302.704</b>
Hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	15.084.686.899	47.369.890.520	1.292.204.329.705	6.721.170.189	1.361.380.077.313
Khấu hao trong năm	1.930.823.420	10.839.186.840	112.703.685.241	208.240.521	125.681.936.022
Tặng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán, xóa bỏ	-	-	(28.384.236.942)	(538.273.589)	(28.922.510.531)
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>17.015.510.319</b>	<b>58.209.077.360</b>	<b>1.376.523.778.004</b>	<b>6.391.137.121</b>	<b>1.458.139.502.804</b>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	11.888.199.121	74.380.782.501	864.054.100.472	261.772.782	950.584.854.876
Số cuối năm	9.957.375.701	70.593.857.928	1.102.357.034.010	53.532.261	1.182.961.799.900

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 30.875.529.068 đồng

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ đã dùng để chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay: 936.244.677.842 đồng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)****8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	386.400.000	386.400.000
Mua trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Giảm khác	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>386.400.000</b>	<b>386.400.000</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>		
Số đầu năm	386.400.000	386.400.000
Khấu hao trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Giảm khác	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>386.400.000</b>	<b>386.400.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 386.400.000 đồng.

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay: 0 đồng.

**9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư***Bất động sản đầu tư cho thuê*

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng trong năm</i>	<i>Giảm trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
<b>Nguyên giá</b>	<b>60.325.409.063</b>			<b>60.325.409.063</b>
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	60.325.409.063	-	-	60.325.409.063
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>48.247.568.810</b>	<b>2.229.239.929</b>		<b>50.476.808.739</b>
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	48.247.568.810	2.229.239.929	-	50.476.808.739
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>12.077.840.253</b>		<b>2.229.239.929</b>	<b>9.848.600.324</b>
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	12.077.840.253	-	2.229.239.929	9.848.600.324
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

Theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 05 - Bất động sản đầu tư yêu cầu tại này kết thúc niên độ kế toán cần trình bày giá trị bất động sản đầu tư theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên công ty chưa xác định được giá trị của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2019 để trình bày trên thuyết minh do không có giao dịch nào gần đây cho bất động sản có vị trí tương tự với bất động sản của công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)**10. Tài sản dở dang dài hạn****10.1 Xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư mới 30 toa xe khách giai đoạn 2018 - 2020	-	75.029.649.456
Lò xo cao su Tháp Chàm	2.314.728.639	2.314.728.639
Sửa chữa lớn tài sản cố định	774.977.538	-
Công trình khác	180.599.546	2.737.163.806
<b>Cộng</b>	<b>3.270.305.723</b>	<b>80.081.541.901</b>

**11.1 Phải trả người bán****11.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	332.540.991.157	332.540.991.157	95.834.782.487	95.834.782.487
Công ty TNHH Kỹ thuật - Dịch vụ STD&T	765.868.000	765.868.000	765.644.985	765.644.985
Công ty cổ phần Xe lửa Dĩ An	6.941.857.176	6.941.857.176	52.701.425.464	52.701.425.464
Công ty cổ phần Xe lửa Gia Lâm	4.627.904.784	4.627.904.784	-	-
Công ty cổ phần Thương mại Tư vấn	1.410.695.983	1.410.695.983	8.097.580.923	8.097.580.923
Đầu tư Xây dựng Bách Khoa Việt				
Các nhà cung cấp còn lại	29.303.517.647	29.303.517.647	33.102.255.890	33.102.255.890
<b>Cộng</b>	<b>375.590.834.747</b>	<b>375.590.834.747</b>	<b>190.501.689.749</b>	<b>190.501.689.749</b>

**11.2 Phải trả người bán dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	46.690.158.221	46.690.158.221	62.253.544.297	62.253.544.297
<b>Cộng</b>	<b>46.690.158.221</b>	<b>46.690.158.221</b>	<b>62.253.544.297</b>	<b>62.253.544.297</b>

**11.3 Phải trả người bán là các bên liên quan**

Xem thuyết minh VIII.2

**12. Người mua trả tiền trước****12.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trung tâm Vận chuyên và kho vận Miền Nam	1.717.621.800	1.925.414.900
Trương Thị Huệ	2.000.000.000	-
Các khách hàng còn lại	2.387.857.234	2.747.027.355
<b>Cộng</b>	<b>6.105.479.034</b>	<b>4.672.442.255</b>

**12.2 Người mua trả tiền trước là các bên liên quan**

Xem thuyết minh VIII.2



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****13.1 Thuế phải nộp**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.086.568.324	114.117.197.790	114.034.487.420	1.169.278.694
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	181.272.391	274.396.646	274.321.479	181.347.558
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.115.031.602	3.115.031.602	-
Các loại thuế khác	-	16.000.000	16.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.990.416.662	143.426.711.164	144.817.590.375	7.599.537.451
<b>Cộng</b>	<b>10.258.257.377</b>	<b>260.949.337.202</b>	<b>262.257.430.876</b>	<b>8.950.163.703</b>

**13.2 Thuế phải thu**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.120.347.673	-	-	2.120.347.673
Thuế thu nhập cá nhân	1.135.375.874	1.105.474.823	560.715.837	590.616.888
Các loại thuế khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.255.723.547</b>	<b>1.105.474.823</b>	<b>560.715.837</b>	<b>2.710.964.561</b>

**Thuế GTGT**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ 10%

**14. Phải trả người lao động**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương tháng, thưởng	41.126.654.108	40.027.223.999
Quỹ lương dự phòng	-	-
<b>Cộng</b>	<b>41.126.654.108</b>	<b>40.027.223.999</b>

**15. Chi phí phải trả****15.1 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí khác	96.732.252	-
<b>Cộng</b>	<b>96.732.252</b>	<b>-</b>

**16. Doanh thu chưa thực hiện****16.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu bán vé chưa thực hiện trong năm	193.585.137.000	190.370.816.000
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>193.585.137.000</b>	<b>190.370.816.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)****17. Phải trả khác****17.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	-	42.923
Kinh phí công đoàn	386.484.511	358.272.624
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	81.286.241	112.820.466
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	165.373.710	1.366.009.388
Phải trả, phải nộp khác	17.574.804.811	23.406.667.844
<i>Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình</i>	<i>7.880.228.741</i>	<i>7.880.228.741</i>
<i>Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội</i>	<i>-</i>	<i>5.916.932.894</i>
<i>Công ty cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên</i>	<i>4.648.605.000</i>	<i>4.648.605.000</i>
<i>Công ty cổ phần Đường sắt Nghệ Tĩnh</i>	<i>841.788.000</i>	<i>841.788.000</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>4.204.183.070</i>	<i>4.119.113.209</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>18.207.949.273</u></b>	<b><u>25.243.813.245</u></b>

**17.2 Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.496.791.450	1.719.291.450
<b>Cộng</b>	<b><u>2.496.791.450</u></b>	<b><u>1.719.291.450</u></b>

**17.3 Phải trả khác là bên có liên quan**

Xem thuyết minh VIII.2

**18. Dự phòng phải trả****18.1 Dự phòng phải trả dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	30.428.426	119.179.845
<b>Cộng</b>	<b><u>30.428.426</u></b>	<b><u>119.179.845</u></b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

### 19. Vay và nợ thuê tài chính

#### Các khoản vay

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>19.1 Vay ngắn hạn</b>	105.148.080.000	105.148.080.000	182.427.240.000	208.927.240.000	78.648.080.000	78.648.080.000
<i>Vay ngắn hạn</i>	80.000.000.000	80.000.000.000	115.000.000.000	155.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
Ngân hàng NN&PT Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh Trung tâm Sài Gòn (1)	30.000.000.000	30.000.000.000	45.000.000.000	55.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (2)	-	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	100.000.000.000	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	25.148.080.000	25.148.080.000	67.427.240.000	53.927.240.000	38.648.080.000	38.648.080.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 3 TP Hồ Chí Minh	11.818.800.000	11.818.800.000	19.849.000.000	19.849.000.000	11.818.800.000	11.818.800.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng	-	-	31.536.000.000	18.036.000.000	13.500.000.000	13.500.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	13.329.280.000	13.329.280.000	16.042.240.000	16.042.240.000	13.329.280.000	13.329.280.000
<b>Cộng</b>	<b>105.148.080.000</b>	<b>105.148.080.000</b>	<b>182.427.240.000</b>	<b>208.927.240.000</b>	<b>78.648.080.000</b>	<b>78.648.080.000</b>
<b>19.2 Vay dài hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 3 TP Hồ Chí Minh (3)	151.666.529.415	151.666.529.415	-	19.849.000.000	131.817.529.415	131.817.529.415
Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex (4)	186.265.760.000	186.265.760.000	-	16.042.240.000	170.223.520.000	170.223.520.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng (5)	-	-	227.718.481.571	31.536.000.000	196.182.481.571	196.182.481.571
<b>Cộng</b>	<b>337.932.289.415</b>	<b>337.932.289.415</b>	<b>227.718.481.571</b>	<b>67.427.240.000</b>	<b>498.223.530.986</b>	<b>498.223.530.986</b>

#### *Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn:*

(1): Khoản vay ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Trung tâm Sài Gòn theo hợp đồng vay số 1900-LAV-201900250 ngày 25 tháng 06 năm 2019 để thanh toán phí điều hành vận tải. Hạn mức tối đa 30.000.000.000 đồng. Lãi suất vay theo từng lần giấy nhận nợ. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 04 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(2): Khoản vay ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo hợp đồng số 1217379.19 ngày 30/7/2019 với hạn mức tín dụng 50.000.000.000 đồng, lãi suất 8%/năm, thời hạn vay 5 tháng. Tài sản đảm bảo là tín chấp và bảo đảm Tổng đường sắt VN chiếm 51% vốn.

**Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn:**

(3): Khoản vay theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2017- HĐCV/DADT/NHCT906-DUONGSATSG ngày 24 tháng 10 năm 2017 để thanh toán các chi phí đầu tư Dự án đầu tư mới 30 toa xe khách. Hạn mức vay là 200.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8%/năm. Mức lãi suất điều chỉnh theo từng lần giấy nhận nợ. Thời hạn vay 15 năm. Khoản vay này được bảo đảm bằng 30 Toa xe mua của Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017-HĐTC/NHCT906-DUONGSATSG ngày 24 tháng 10 năm 2017.

(4): Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 441.0005/2018/HĐTD-ĐN/PGB.SG ngày 17 tháng 01 năm 2018 Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn để thanh toán chi phí đầu tư 30 toa xe tàu khách. Hạn mức vay là 220.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 15 năm. Lãi suất vay theo từng lần giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng 30 toa xe mua mới theo hợp đồng thế chấp tài sản số 441.0005/2018/BĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018.

(5): Khoản vay theo hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 01.2018/HĐCV/VCB-ĐSSG ngày 20 tháng 12 năm 2018 Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Hải Phòng dự án đầu tư mới 30 toa xe khách giai đoạn 2018 -2020. Hạn mức cho vay 216.812.000.000 đồng. Lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn vay 15 năm. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp tài sản số 01.2018/HĐTC/VCB-ĐSSG ngày 20 tháng 12 năm 2018.

**20. Vốn chủ sở hữu****20.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	503.100.000.000	-	400.709.318	8.191.808.403	511.692.517.721
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	(51.136.489.668)	(51.136.489.668)
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	(5.634.325.820)	(5.634.325.820)
Phân phối các quỹ	-	-	1.205.834.196	(2.557.482.583)	(1.351.648.387)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	503.100.000.000	-	1.606.543.514	(51.136.489.668)	453.570.053.846
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	14.604.677.192	14.604.677.192
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	503.100.000.000	-	1.606.543.514	(36.531.812.476)	468.174.731.038



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)****20.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	394.647.080.000	394.647.080.000
Vốn góp của các cổ đông khác	108.452.920.000	108.452.920.000
<b>Cộng</b>	<b>503.100.000.000</b>	<b>503.100.000.000</b>

**20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	503.100.000.000	503.100.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	<b>503.100.000.000</b>	<b>503.100.000.000</b>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**20.4 Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.310.000	50.310.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	50.310.000	50.310.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.310.000	50.310.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.310.000	50.310.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.310.000	50.310.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**20.5 Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu****Mục đích trích lập các quỹ**

**Quỹ đầu tư phát triển:** Được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, mua sắm TSCĐ, XDCB, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.025.700.292.185	2.077.558.810.878
<b>Cộng</b>	<b>2.025.700.292.185</b>	<b>2.077.558.810.878</b>

**1.2 Doanh thu với các bên liên quan**

Xem Thuyết minh VIII.2

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	8.737.000	14.578.000
<b>Cộng</b>	<b>8.737.000</b>	<b>14.578.000</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.834.625.664.524	1.952.605.149.789
<b>Cộng</b>	<b>1.834.625.664.524</b>	<b>1.952.605.149.789</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.945.725.341	252.308.229
<b>Cộng</b>	<b>3.945.725.341</b>	<b>252.308.229</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	49.026.038.165	32.094.144.251
Chi phí tài chính khác	-	90.000.000
<b>Cộng</b>	<b>49.026.038.165</b>	<b>32.184.144.251</b>

**6. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	46.888.327.946	51.871.932.397
Chi phí nhiên liệu, vật liệu, bao bì	6.184.722.896	8.305.103.475
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.273.410.498	2.546.233.874
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.645.496.555	44.630.838.016
Chi phí bằng tiền khác	10.759.293.354	13.482.080.339
<b>Cộng</b>	<b>106.751.251.249</b>	<b>120.836.188.101</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)****7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	15.822.108.448	16.919.918.753
Chi phí vật liệu quản lý	1.104.166.422	1.823.381.114
Chi phí đồ dùng văn phòng	165.094.273	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	927.170.990	1.326.229.593
Thuế, phí và lệ phí	7.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.461.627.560	14.590.438.556
Chi phí bằng tiền khác	13.235.129.331	10.936.918.012
<b>Cộng</b>	<b>44.722.297.024</b>	<b>45.599.886.028</b>

*Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp*

Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	-
<b>Cộng</b>	<b>44.722.297.024</b>	<b>45.599.886.028</b>

**8. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Phí trả vé	18.359.377.000	19.439.107.000
Thanh lý tài sản	3.025.079.152	3.227.555.897
Hồ sơ thầu	2.727.273	-
Điện nước, cho thuê mặt bằng	207.750.842	-
Bảo hiểm hành khách đi tàu	1.007.141.637	-
Thu nhập từ vật tư thu hồi	1.618.991.860	-
Các khoản khác	98.380.870	251.305.443
<b>Cộng</b>	<b>24.319.448.634</b>	<b>22.917.968.340</b>

**9. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Điện nước, cho thuê mặt bằng	315.147.909	315.914.191
Các khoản khác	3.911.653.097	309.716.755
<b>Cộng</b>	<b>4.226.801.006</b>	<b>625.630.946</b>

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	232.156.524.817	303.414.784.560
Chi phí nhân công	292.928.129.924	321.490.515.330
Chi phí khấu hao TSCĐ	127.428.217.129	136.429.535.211
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.123.459.473.910	1.117.945.753.265
Chi phí khác bằng tiền	210.126.867.017	239.760.635.552
<b>Cộng</b>	<b>1.986.099.212.797</b>	<b>2.119.041.223.918</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)****11. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của Công ty:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế(a)	14.604.677.192	(51.136.489.668)
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán (b=c-d)	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng ©	-	-
Các khoản phạt	-	-
Lợi nhuận từ các đơn vị trực thuộc	-	-
Doanh thu chưa thực hiện tính vào thu nhập chịu thuế	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (d)	-	-
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước (e=a+b)	14.604.677.192	(51.136.489.668)
Lỗ năm trước chuyển sang (f)	(14.604.677.192)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành (g=e+f)		(51.136.489.668)
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.604.677.192	(51.136.489.668)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	14.604.677.192	(51.136.489.668)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	-	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>290,29</b>	<b>(1.016,43)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(\*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	50.310.000	50.310.000
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	50.310.000	50.310.000

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

**1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	342.718.481.571	365.411.564.993
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>342.718.481.571</b>	<b>365.411.564.993</b>

**2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:**

	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	208.927.240.000	61.803.760.000
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>208.927.240.000</b>	<b>61.803.760.000</b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**2. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**2.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</i>		
Lương, thưởng	2.443.841.679	3.533.264.852

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

### 2.2 Các bên liên quan khác

Danh sách các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội	Công ty thuộc tổng công ty
Công ty cổ phần Xe lửa Gia Lâm	Công ty thuộc tổng công ty
Công ty cổ phần Xe lửa Dĩ An	Công ty thuộc tổng công ty
Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình	Công ty thuộc tổng công ty
Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội - Chi nhánh Toa xe Vinh	Chi nhánh thuộc tổng công ty
Chi nhánh khai thác Đường sắt Sài Gòn	Công ty thuộc tổng công ty
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt	Chi nhánh thuộc tổng công ty
Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội - Chi nhánh Toa xe Hà Nội	
Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội - Chi nhánh Vận tải Đường sắt Vinh	Chi nhánh thuộc tổng công ty
Chi nhánh Khai thác Đường sắt Nghĩa Bình	Chi nhánh thuộc tổng công ty
Chi nhánh Khai thác Đường sắt Phú Khánh	Chi nhánh thuộc tổng công ty
Xí nghiệp Đầu máy Sài Gòn	Chi nhánh thuộc tổng công ty
Xí nghiệp Đầu máy Đà Nẵng	Chi nhánh thuộc tổng công ty
Chi nhánh Khai thác Đường sắt Thừa Thiên Huế	Chi nhánh thuộc tổng công ty
Công ty cổ phần vật tư Đường sắt Hà Nội	Công ty thuộc tổng công ty
Công ty cổ phần Quản lý Đường sắt Yên Lào	Công ty thuộc tổng công ty
Phân hiệu cao đẳng đường sắt Phía Nam	Đơn vị thuộc tổng công ty
Chi Nhánh Vận Tải Đường Sắt Phía Nam - Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội	Công ty thuộc tổng công ty
CN Công ty Cổ Phần Dịch vụ vận tải đường sắt tại TP. HCM	Công ty thuộc tổng công ty
CN Tổng công ty ĐSVN - Khai Thác Đường sắt Hà Nội	Công ty thuộc tổng công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	Công ty thuộc tổng công ty
Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội - Đoàn tiếp viên Đường sắt Hà Nội	Công ty thuộc tổng công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Nghệ Tĩnh	Công ty thuộc tổng công ty
Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên	Công ty thuộc tổng công ty
Công ty cổ phần Đường Sắt Quảng Nam Đà Nẵng	Công ty thuộc tổng công ty
Công ty cổ phần Đường sắt Thuận Hải	Công ty thuộc tổng công ty
Ban Quản lý dự án Đường Sắt KV3	Đơn vị thuộc tổng công ty
Ban Quản lý dự án Đường Sắt KV2	Đơn vị thuộc tổng công ty
Trung tâm y tế Đường sắt	Đơn vị thuộc tổng công ty
Xí nghiệp Đầu máy Vinh	Đơn vị thuộc tổng công ty
Trường Cao đẳng nghề Đường Sắt	Đơn vị thuộc tổng công ty
Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội - CN vận tải Đa phương thức	Đơn vị thuộc tổng công ty
Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Nội	Đơn vị thuộc tổng công ty
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng giao thông vận tải	Công ty liên kết với tổng công ty



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

Giao dịch với các bên liên quan này trong kỳ như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng Công ty Đường sắt Việt nam</b>	<b>998.794.174.007</b>	<b>925.329.567.613</b>
Chi phí thuê phần mềm bán vé	11.092.483.551	11.942.963.613
Phí điều hành giao thông	880.491.019.000	913.386.604.000
Chi phí dịch vụ khác	1.098.753.881	204.458.504
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	33.545.455	-
<b>Ban quản lý Dự án đường sắt khu vực 2</b>	<b>9.090.909</b>	<b>-</b>
Doanh thu dịch vụ khác	9.090.909	-
<b>Ban quản lý Dự án đường sắt khu vực 3</b>	<b>1.650.852.194</b>	<b>-</b>
Chi phí tư vấn đầu tư dự án 30 toa xe đóng mới giai đoạn 2018 -2020	1.650.852.194	-
<b>Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội</b>	<b>113.726.406.457</b>	<b>131.775.546.196</b>
Doanh thu sản phẩm tác nghiệp và hoa hồng	95.481.307.445	117.737.551.140
Doanh thu trả lại vé	3.823.345.000	-
Doanh thu sửa chữa toa xe, vật tư, thuê toa xe, vận chuyển	861.570.393	-
Doanh thu phí sử dụng phần mềm bán vé	3.588.494.238	-
Chi phí sản phẩm tác nghiệp và hoa hồng	114.298.495.885	-
Phí sử dụng phần mềm bán vé	6.083.978.896	3.861.379.056
Phí dịch vụ đối tác thu hộ	3.887.710.485	5.076.900.000
Các chi phí dịch vụ khác	-	5.099.716.000
<b>Công ty cổ phần xe lửa Gia Lâm</b>	<b>100.594.964.535</b>	<b>769.078.212</b>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	75.823.759	-
Mua vật tư	1.358.844.829	769.078.212
Đóng mới toa xe	99.160.295.947	-
<b>Công ty cổ phần xe lửa Dĩ An</b>	<b>181.106.844.721</b>	<b>185.238.914.849</b>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	868.695.038	-
Mua vật tư, dịch vụ	10.386.520.875	1.978.701.756
Đóng mới toa xe	169.851.628.808	183.260.213.093
<b>Chi nhánh khai thác Đường sắt Thừa Thiên Huế</b>	<b>4.090.909</b>	<b>22.954.028</b>
Chi phí dịch vụ khác	4.090.909	22.954.028
<b>Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội - Xí nghiệp Toa xe Vinh</b>	<b>1.144.619.670</b>	<b>1.431.430.080</b>
Doanh thu sửa chữa và bán vật tư	586.288.070	-
Chi phí sửa chữa và mua vật tư	558.331.600	1.431.430.080
<b>Xí nghiệp Đầu máy Sài Gòn</b>	<b>3.998.858.377</b>	<b>4.472.561.329</b>
Doanh thu cung cấp dịch vụ nước đóng chai	22.116.000	-
Doanh thu vận tải hàng hóa	99.944.000	-
Chi phí sửa chữa và cung cấp dịch vụ	3.876.798.377	4.472.561.329
<b>Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội - Đoàn tiếp viên Đường sắt Hà Nội</b>	<b>1.866.949.300</b>	<b>58.500.000</b>
Doanh thu dịch vụ trông coi xe	1.826.649.300	58.500.000
Doanh thu cho thuê phòng, môi giới	40.300.000	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
<i>Chi nhánh Toa xe Hà Nội - Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội</i>	30.682.009.217	13.419.386.402
Doanh thu sửa chữa và bán vật tư	15.953.703.599	-
Chi phí sửa chữa và mua vật tư	14.728.305.618	13.419.386.402
<i>Chi nhánh Khai thác Đường sắt Nghĩa Bình</i>	127.939.018	4.644.029.462
Chi phí mua dịch vụ khác	127.939.018	4.644.029.462
<i>Chi nhánh Khai thác Đường sắt Phú Khánh</i>	215.302.908	26.456.364
Chi phí mua dịch vụ	215.302.908	26.456.364
<i>Chi nhánh Khai thác Đường sắt Sài Gòn</i>	9.907.648.957	4.611.782.873
Doanh thu vận tải hàng hóa	38.688.000	-
Chi thuê văn phòng	8.933.472.587	4.611.782.873
Phí điều hành đường nhánh Đà Lạt	935.488.370	-
<i>Công ty cổ phần Vận tải và thương mại đường sắt</i>	6.376.986.880	72.000.000
Doanh thu sửa chữa toa xe	3.595.139.880	-
Doanh thu vận tải hàng hóa	2.153.968.000	-
Chi phí sản phẩm tác nghiệp	532.479.000	-
Chi phí dịch vụ khác	95.400.000	72.000.000
<i>Xí nghiệp Đầu máy Vinh</i>	14.465.056	-
Chi phí mua vật tư	14.465.056	-
<i>Xí nghiệp Đầu máy Đà Nẵng</i>	57.529.803	97.789.505
Chi phí mua vật tư, mua dịch vụ khác	57.529.803	97.789.505
<i>Xí nghiệp khai thác đường sắt Hà Nội</i>	260.135.083	220.800.000
Chi phí mua dịch vụ	260.135.083	220.800.000
<i>Xí nghiệp khai thác đường sắt Sài Gòn</i>	2.865.966.813	-
Chi phí mua dịch vụ	2.865.966.813	-
<i>Trường cao đẳng nghề Đường sắt</i>	1.724.088.523	-
Chi phí đào tạo	1.724.088.523	-
<i>Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội - Chi nhánh vận tải Đường sắt Vinh</i>	52.728.400	-
Doanh thu vệ sinh, trông coi toa xe	52.728.400	-
<i>Trung tâm y tế Đường sắt</i>	25.945.455	-
Chi phí khảo sát, khám sức khỏe	25.945.455	-
<i>Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh</i>	33.096.351	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.096.351	-
Doanh thu vận tải hàng hóa	3.140.330.000	-
<i>Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội - Chi nhánh vận tải Đường sắt phía Nam</i>	69.100.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.800.000	-
Chi phí mua dịch vụ	40.300.000	-
<i>Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Nam Đà Nẵng</i>	1.338.198.909	-
Doanh thu sửa chữa	134.240.909	-
Doanh thu vận tải hàng hóa	1.203.958.000	-
<i>Công ty cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình</i>	2.040.061.000	-
Doanh thu vận tải hàng hóa	2.040.061.000	-
<i>Công ty cổ phần Đường sắt Sài Gòn</i>	681.869.000	-
Doanh thu vận tải hàng hóa	681.869.000	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty cổ phần Vận Tải Đường Sắt Hà Nội - CN toa xe hàng</i>	66.330.000	-
Doanh thu vận tải	66.330.000	-
<i>Công ty cổ phần Đường sắt Thuận Hải</i>	1.074.759.000	-
Doanh thu vận tải	1.074.759.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b><u>Phải thu khách hàng ngắn hạn</u></b>	<b><u>8.181.521.299</u></b>	<b><u>3.591.542.323</u></b>
Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội	1.731.280.740	2.067.460.100
Công ty cổ phần Xe lửa Gia Lâm	58.682.526	-
Công ty cổ phần Xe lửa Dĩ An	63.089.207	-
Ban quản lý Dự án Đường sắt Khu vực 3	3.140.330.000	-
Xí nghiệp đầu máy Sài Gòn	18.124.200	1.267.800
Công ty cổ phần Đường sắt Phú Khánh	7.046.723	96.504.059
Đoàn tiếp viên Đường sắt Hà Nội	133.213.454	147.092.682
Chi nhánh Toa xe Hà Nội	1.482.547.657	441.044.377
Chi nhánh Toa xe Vinh	541.235.992	-
Công ty CP Đường Sắt Quảng Nam Đà Nẵng	147.665.000	-
Công ty cổ phần Vận tải và thương mại đường sắt (RATRACO)	858.305.800	838.173.305
<b><u>Người mua trả tiền trước</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>30.176.804.148</u></b>
Công ty CP Đường Sắt Sài Gòn	-	48.551.900
XN Đầu Máy Sài Gòn	-	7.216.000
<b><u>Trả trước cho người bán ngắn hạn</u></b>	<b><u>5.950.022.800</u></b>	<b><u>17.249.550.024</u></b>
Công ty cổ phần Xe lửa Gia Lâm	-	12.871.486.224
Trường cao đẳng phân hiệu Đường sắt	119.542.500	-
Công ty cổ phần Vận tải và thương mại đường sắt (RATRACO)	5.830.480.300	4.378.063.800
<b><u>Phải trả người bán ngắn hạn</u></b>	<b><u>347.440.264.424</u></b>	<b><u>152.278.390.736</u></b>
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	332.540.991.157	95.834.782.487
Chi nhánh khai thác Đường sắt Sài Gòn	839.671.228	776.192.372
Công ty cổ phần Vận tải và thương mại đường sắt (RATRACO)	-	130.713.000
Công ty cổ phần Xe lửa Dĩ An	6.948.961.173	52.701.425.464
Xí nghiệp Đầu máy Đà Nẵng	23.100.000	30.800.000
Công ty cổ phần Quản lý Đường sắt Yên Lào	521.273.200	521.273.200
Xí nghiệp đầu máy Sài Gòn	1.044.597.445	1.735.100.244
Công ty cổ phần Xe lửa Gia Lâm	4.855.664.384	233.045.100
Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội - Chi nhánh Toa xe Vinh	565.528.260	-
Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội - Chi nhánh vận tải đa phương thức	55.440.000	-
Chi nhánh khai thác Đường sắt Hà Nội	45.037.577	-
Các công ty khác thuộc tổng công ty	-	315.058.869

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b><u>Phải trả người bán dài hạn</u></b>	<b><u>46.690.158.221</u></b>	<b><u>62.253.544.297</u></b>
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	46.690.158.221	62.253.544.297
<b><u>Phải trả khác ngắn hạn khác</u></b>	<b><u>13.370.621.741</u></b>	<b><u>8.722.016.741</u></b>
Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình	7.880.228.741	7.880.228.741
Công ty cổ phần Quản lý Đường sắt Nghệ Tĩnh	841.788.000	841.788.000
Công ty cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên	4.648.605.000	4.648.605.000
<b><u>Phải thu ngắn hạn khác</u></b>	<b><u>12.628.490.674</u></b>	<b><u>5.916.932.894</u></b>
Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội (dư nợ 338)	12.628.490.674	5.916.932.894
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng giao thông vận tải	1.468.743.870	1.468.743.870

*Chính sách giá cũ đối với các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan khác*

Giá mua dịch vụ, hàng hóa, vật tư của các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ khác từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

### 3. Báo cáo bộ phận

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

#### *Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Việc ra các quyết định dựa trên các sản phẩm mà công ty cung cấp mà không phụ thuộc vào khu vực địa lý. Do đó, Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty được xác định là chính yếu và được chia theo các hoạt động kinh doanh chính như sau:

Chỉ tiêu	Vận tải	Dịch vụ khác	Các khoản loại trừ	Cộng
<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài</i>	1.903.810.344.126	121.881.211.059	-	2.025.691.555.185
<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận</i>	-	109.419.531.317	(109.419.531.317)	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.903.810.344.126</b>	<b>231.300.742.376</b>	<b>(109.419.531.317)</b>	<b>2.025.691.555.185</b>
<i>Khấu hao và chi phí phân bổ</i>	1.917.055.472.625	114.124.052.996	(109.419.531.317)	1.921.759.994.304
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(13.245.128.499)</b>	<b>7.757.158.063</b>	<b>-</b>	<b>(5.487.970.436)</b>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và tài sản dài hạn khác</i>	284.977.355.173	-	-	284.977.355.173
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	118.119.942.425	7.561.993.597	-	125.681.936.022
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.408.110.928.064	90.146.723.778	-	1.498.257.651.842
Các tài sản không phân bổ	-	-	-	239.681.645.309
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.408.110.928.064</b>	<b>90.146.723.778</b>	<b>-</b>	<b>1.737.939.297.151</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.193.365.746.815	76.398.819.298	-	1.269.764.566.113
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.193.365.746.815</b>	<b>76.398.819.298</b>	<b>-</b>	<b>1.269.764.566.113</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là thứ yếu và được chia theo các khu vực địa lý như sau:

Chỉ tiêu	Miền Nam	Vùng còn lại	Khoản loại trừ	Cộng
<b>1. Doanh thu</b>				
- Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	2.005.576.849.815	20.123.442.370	-	2.025.700.292.185
- Doanh thu nội bộ	49.361.952.587	60.057.578.730	(109.419.531.317)	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.054.938.802.402</b>	<b>80.181.021.100</b>	<b>(109.419.531.317)</b>	<b>2.025.700.292.185</b>
<b>2. Các thông tin bộ phận khác</b>				
- Tài sản bộ phận	1.483.373.859.986	14.883.791.856	-	1.498.257.651.842
- Tài sản không phân bổ	-	-	-	239.681.645.309
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.483.373.859.986</b>	<b>14.883.791.856</b>	<b>-</b>	<b>1.737.939.297.151</b>
<b>Chi phí hình thành TSCĐ</b>				
- Tài sản cố định hữu hình	359.563.510.658	-	-	359.563.510.658
- Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-

**4. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt, báo cáo kiểm toán số 84/2019/BCKT - AASCN phát hành ngày 20/03/2019 ở dạng ý kiến kiểm toán ngoại trừ một số chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán như chỉ tiêu hàng tồn kho, chi phí trả trước ngắn hạn, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đang được thể hiện trên báo cáo tăng hơn so với thực tế lần lượt là 31.404.782.659 đồng, 18.826.908.197 đồng và 50.231.690.856 đồng. Tuy nhiên các chỉ tiêu đang ngoại trừ trên báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được điều chỉnh hồi tố theo biên bản thanh tra của Bộ tài chính ngày 9/12/2019 như sau:

	Mã số	Số liệu BCTC đã kiểm toán năm trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<b>Bảng Cân đối kế toán</b>				
Hàng tồn kho	141	112.504.585.887	(31.404.782.659)	81.099.803.228
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	57.631.369.220	(18.826.908.197)	38.804.461.023
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421 b	(904.798.812)	(50.231.690.856)	(51.136.489.668)
<b>Báo cáo KQ HKKD</b>				
Giá vốn hàng bán	11	1.902.373.458.933	50.231.690.856	1.952.605.149.789
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(23.197.136.206)	(50.231.690.856)	(73.428.827.062)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(904.798.812)	(50.231.690.856)	(51.136.489.668)
<b>Báo cáo LCTT</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01	(904.798.812)	(50.231.690.856)	(51.136.489.668)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(20.380.271.678)	31.404.782.659	11.024.510.981
Tăng, giảm chi phí phải trả	12	(40.993.796.329)	18.826.908.197	(22.166.888.132)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)**5. Thay đổi ước tính kế toán**

Trong năm 2019, theo công văn 1479/BTC - TXDN ngày 14/02/2020 công ty điều chỉnh tăng thời gian trích khấu hao tài sản cố định là 30 toa xe khách thuộc dự án đóng mới 2017, 30 toa xe khách thuộc dự án đóng mới 2018 - 2020 từ 15 năm lên 25 năm và 50 toa xe MC đóng mới năm 2019 thực hiện trích khấu hao theo 30 năm. Việc thay đổi thời gian khấu hao này dẫn đến giá vốn của hoạt động vận tải năm nay giảm 14.355.372.187 đồng so với việc áp dụng thời gian khấu hao như năm trước.

Lập ngày 18 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu



Bùi Thị Thúy Quỳnh

Kế toán trưởng



Kiều Văn Chung



Tổng Giám đốc

Đào Anh Tuấn



## BÁO CÁO CÔNG KHAI LỢI ÍCH CÓ LIÊN QUAN

Họ và tên:

Số CMTND/hộ chiếu:

Địa chỉ thường trú:

Nơi công tác và chức vụ hiện tại:

Ngày sinh:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Căn cứ Điều 159 Luật Doanh nghiệp năm 2014, tôi xin công khai các lợi ích có liên quan như sau:

### 1. Danh sách những Doanh nghiệp mà tôi có sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp:

STT	Tên Doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp, ngày cấp, nơi cấp giấy CN ĐKDN/Giấy phép thành lập	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành, nghề kinh doanh	Số cổ phần hoặc vốn góp	Tỷ lệ % so với vốn điều lệ của doanh nghiệp	Thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần
1							

### 2. Danh sách những Doanh nghiệp mà những người có liên quan của tôi cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn

	Tên, Mã số doanh nghiệp, ngày cấp, nơi cấp giấy CN ĐKDN/Giấy phép thành lập	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành, nghề kinh doanh	Tên người có liên quan	Mối quan hệ với người khai	Số cổ phần/vốn góp	Tỷ lệ % so với vốn điều lệ của doanh nghiệp
1							

Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên là hoàn toàn đầy đủ, chính xác và trung thực. Nếu sai tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật.

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày .....tháng .....năm .....

NGƯỜI KÊ KHAI

